

**Phụ lục 01**  
**BIỂU TỔNG HỢP THỰC HIỆN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2024**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Văn Quan)

| STT      | Tên nguồn vốn                                                                                                  | KH vốn             | Kết quả giải ngân<br>ngày 10/9/2024 | Tỷ lệ giải ngân<br>(%) | Ghi chú    |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------|------------------------|------------|
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                               | <b>264.400,203</b> | <b>94.712,420</b>                   | <b>35,82%</b>          |            |
| <b>A</b> | <b>VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2024</b>                                                                 | <b>177.135</b>     | <b>68.375,565</b>                   | <b>38,60%</b>          |            |
| <b>1</b> | <b>CÁC DỰ ÁN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ - CÓ CĐT LÀ BQL CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>                                   | <b>1.281</b>       | <b>1.281,000</b>                    | <b>100,00%</b>         |            |
| -        | Hỗ trợ GPMB dự án Mở rộng khuôn viên tượng đài Lương Văn Tri, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn | 1.281              | 1.281,000                           | 100,00%                | QT NS tỉnh |
| <b>2</b> | <b>VỐN NS ĐỊA PHƯƠNG</b>                                                                                       | <b>41.320</b>      | <b>15.758,440</b>                   | <b>38,14%</b>          |            |
| -        | Cấp huyện quản lý (NQ16)                                                                                       | 9.963              | 7.176,218                           | 72,03%                 |            |
| -        | Vốn Thu Sử dụng đất                                                                                            | 4.728              | 2.739,321                           | 57,94%                 |            |
| -        | Vốn GTNT giai đoạn 2021-2025 (QĐ 455/QĐ-UBND)-phan bổ cho các công trình 2021, 2023                            | 1.481              | 1.480,525                           | 99,97%                 |            |
| -        | Vốn Tăng thu, TKC năm 2023 chuyển nguồn sang 2024 (QĐ 840/QĐ-UBND)                                             | 3.104              | 326,865                             | 10,53%                 |            |
| -        | NST giao bổ sung Tăng thu, TKC năm 2024 (QĐ 1008/QĐ-UBND tỉnh)                                                 | 6.906              | 1.739,747                           | 25,19%                 |            |
| -        | Vốn NS tỉnh đối ứng các chương trình MTQG xây dựng NTM                                                         | 15.138             | 2.295,764                           | 15,17%                 |            |
| <b>3</b> | <b>VỐN NSTW</b>                                                                                                | <b>134.534</b>     | <b>51.336,125</b>                   | <b>38,16%</b>          |            |
| -        | Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi                                                      | 54.940             | 21.285,033                          | 38,74%                 |            |
| -        | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững                                                                          | 74.143             | 25.459,559                          | 34,34%                 |            |
| -        | Chương trình MTQG xây dựng NTM                                                                                 | 5.451              | 4.591,533                           | 84,23%                 |            |
| <b>B</b> | <b>VỐN CT MTQG CHUYỂN NGUỒN</b>                                                                                | <b>53.551,203</b>  | <b>14.434,019</b>                   | <b>26,95%</b>          |            |
| <b>1</b> | <b>Vốn chuyển nguồn năm 2022 sang 2024</b>                                                                     | <b>252,030</b>     | <b>-</b>                            |                        |            |
| -        | Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi                                                      | 251,970            |                                     |                        |            |
| -        | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững                                                                          | 0,060              |                                     |                        |            |
| <b>2</b> | <b>Vốn chuyển nguồn năm 2023 sang 2024</b>                                                                     | <b>53.133,691</b>  | <b>14.268,537</b>                   | <b>26,85%</b>          |            |
| -        | Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi                                                      | 2.486,537          | 447,196                             | 17,98%                 |            |
| -        | Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững                                                                          | 50.647,154         | 13.821,341                          | 27,29%                 |            |
| <b>3</b> | <b>Vốn NST đối ứng CT MTQG xây dựng NTM</b>                                                                    | <b>165,482</b>     | <b>165,482</b>                      | <b>100,00%</b>         |            |
| <b>C</b> | <b>VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ 2024</b>                                                                  | <b>33.714,000</b>  | <b>11.902,836</b>                   | <b>35,31%</b>          |            |
| 1        | Hỗ trợ có mục tiêu hạ tầng cơ sở các huyện nghèo năm 2024                                                      | 14.000             | 5.169,133                           | 36,92%                 |            |
| 2        | Vốn Sự nghiệp kinh tế năm 2024                                                                                 | 19.714             | 6.733,703                           | 34,16%                 |            |

BIỂU 01: DANH MỤC DỰ ÁN KÈO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NSNN NĂM 2022 SANG NĂM 2024 (vốn đầu tư phát triển)

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện văn Quan)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án                                                                                               | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định điều chỉnh TMBT lần cuối (hoặc Quyết toán) |           | Lũy kế khối lượng hoàn thành | Tổng kế hoạch vốn NSNN đến thời điểm báo cáo | Kế hoạch năm 2022 | Kế hoạch năm 2022 đã thanh toán | Kế hoạch năm 2022 sau Chuyển nguồn năm 2023 |                                   | Kế hoạch chuyển nguồn năm 2022 sang 2024 |                                  | Tiến độ thực hiện                   | Ghi chú | Chủ đầu tư          |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|----------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|---------|---------------------|
|    |                                                                                                              |                   |                                  | Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành              | TMBT, QT  |                              |                                              |                   |                                 | Vốn CN                                      | Kết quả giải ngân ngày 31/01/2024 | Vốn CN                                   | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 |                                     |         |                     |
| 1  | 2                                                                                                            | 3                 | 4                                | 5                                                     | 6         | 7                            | 8                                            | 9                 | 11                              | 13=                                         |                                   |                                          |                                  |                                     |         | 14                  |
|    | VỐN NGÂN SÁCH TW                                                                                             |                   |                                  |                                                       | 5.141,028 | 4.119,309                    | 5.370,000                                    | 4.700,000         | 4.119,309                       | 580,691                                     | 145,120                           | 252,030                                  |                                  |                                     |         |                     |
| I  | CTMT QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBĐTT VÀ MIỀN NÚI (Theo QĐ 2484/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND huyện VQ) |                   |                                  |                                                       | 3.350     | 3.025,33                     | 3.210,00                                     | 3.200,00          | 3.025,33                        | 174,673                                     | 76,703                            | 251,970                                  |                                  |                                     |         |                     |
| 8  | Mở mới đường Khun Lâu - Đoàn Kết xã An Sơn                                                                   | Xã An Sơn         | 2022                             | QĐ 4923/QĐ-UBND ngày 29/12/2021                       | 3.150     | 2.825,36                     | 3.000,00                                     | 3.000,00          | 2.825,36                        | 174,645                                     | 76,703                            | 251,942                                  |                                  | Đang GPMB đoạn vương tuyến thi công |         | Ban QLDA ĐTXD huyện |
| 18 | Xây mới nhà văn hóa thôn Thanh Sơn, xã Khánh Khê                                                             | Xã Khánh Khê      | 2022                             |                                                       | 200       | 199,97                       | 210,00                                       | 200,00            | 199,97                          | 0,028                                       |                                   | 0,028                                    |                                  | Hoàn thành                          |         | UBND Xã Khánh Khê   |
| II | CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG (Theo QĐ 2484/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND huyện VQ)                |                   |                                  |                                                       | 1.791     | 1.093,98                     | 2.160,000                                    | 1.500,000         | 1.093,982                       | 406,018                                     | 68,417                            | 0,060                                    |                                  |                                     |         |                     |
| 9  | Đường BTXM đoạn nối tiếp đường BTXM cũ đến xóm Lũng Thuộc, xã Bình Phúc                                      | Xã Bình Phúc      | 2022                             | QT 1787 ngày 28/4/2023                                | 1.791     | 1.093,98                     | 2.160,000                                    | 1.500,000         | 1.093,982                       | 68,477                                      | 68,417                            | 0,060                                    |                                  | Quyết toán                          |         | Ban OLDA ĐTXD huyện |

Biểu 4a.1\_CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023 CHUYỂN NGUỒN SANG 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện Văn Quan)

Đơn vị: triệu đồng

| TT    | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                                                               | Địa điểm xây dựng         | Thời gian KC-HT | QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ                                                                                                                                  |                         |           | Kế hoạch vốn đã bố trí đến 30/11/2022 |           |                      |                        | KHV NSTW 2023 thực hiện |            |     |       | KHV NSTW 2023 thực hiện chuyển nguồn sang 2024 |            | Tỷ lệ      | Tiến độ thực hiện | Chủ đầu tư                          | Ghi chú             |                                                                                           |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------|---------------------------------------|-----------|----------------------|------------------------|-------------------------|------------|-----|-------|------------------------------------------------|------------|------------|-------------------|-------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|       |                                                                                                                                                                                          |                           |                 | Số QĐ, ngày tháng, năm                                                                                                                             | Tổng mức đầu tư dự kiến | Trong đó: |                                       | Tổng cộng | Trong đó             |                        |                         | KHV NSTW   | NST | NSH   | Kết quả giải ngân ngày 31/01/2024              | Vốn CN     |            |                   |                                     |                     | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024                                                          |
|       |                                                                                                                                                                                          |                           |                 |                                                                                                                                                    |                         | Vốn NSTW  | NST, NSH và các nguồn vốn khác        |           | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh đối ứng | Ngân sách huyện đối ứng |            |     |       |                                                |            |            |                   |                                     |                     |                                                                                           |
|       | TỔNG CỘNG                                                                                                                                                                                |                           |                 |                                                                                                                                                    | 226.695                 | 196.926   | 29.769                                | 51.182    | 52.682               | -                      | 4.182                   | 83.070     | -   | 3.519 | 35.806,215                                     | 53.133,691 | 14.268,537 | 26,85%            |                                     |                     |                                                                                           |
| A     | CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBĐTTS VÀ MIỀN NÚI                                                                                                                                |                           |                 |                                                                                                                                                    | 38.822                  | 38.110    | 712                                   | 10.156    | 14.682               | -                      | 1.156                   | 11.556     | -   | 502   | 10.363,091                                     | 2.486,537  | 447,196    | 17,98%            |                                     |                     |                                                                                           |
| II    | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                                                     |                           |                 |                                                                                                                                                    | 32.003                  | 31.291    | 712                                   | 10.156    | 14.682               | -                      | 1.156                   | 9.986      | -   | -     | 8.850,453                                      | 2.429,175  | 447,196    | 18,41%            |                                     |                     |                                                                                           |
| II.1  | Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn                              |                           |                 |                                                                                                                                                    | 32.003                  | 31.291    | 712                                   | 10.156    | 14.682               | -                      | 1.156                   | 9.986      | -   | -     | 8.850                                          | 2.429,175  | 447,196    | 18,41%            |                                     |                     |                                                                                           |
| a     | Lĩnh vực Giao thông                                                                                                                                                                      |                           |                 |                                                                                                                                                    | 24.643                  | 24.227    | 416                                   | 4.560     | 9.682                | -                      | 560                     | 8.609      | -   | -     | 8.850,453                                      |            |            |                   |                                     |                     |                                                                                           |
| *     | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                                                        |                           |                 |                                                                                                                                                    |                         |           |                                       |           |                      |                        |                         |            |     |       | -                                              |            |            |                   |                                     |                     |                                                                                           |
| 1     | Mở mới đường Khun Lầu - Đoàn Kết xã An Sơn                                                                                                                                               | Xã An Sơn                 | 2022-2023       | QĐ 4923 ngày 29/12/2021; ĐC 3465 ngày 13/10/2022; ĐC QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                                                               | 5.303                   | 5.050     | 253                                   | 3.300     | 3.000                |                        | 300                     | 780,000    |     |       | 180,015                                        | 599,985    |            | 0,00%             | Đang GPMB đoạn vương tuyến thi công | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                           |
| 2     | Đường xã Bán Bang, xã Tri Lễ - Pá Hà, xã Lương Năng, huyện Văn Quan                                                                                                                      | Xã Tri Lễ - Xã Lương Năng | 2022-2023       | QĐ 4920, ngày 29/12/2021                                                                                                                           | 3.532                   | 3.368     | 164                                   | 1.260     | 1.000                |                        | 260                     | 2.000,000  |     |       | 1.660,000                                      | 340,000    | 260,570    | 76,64%            | Quyết toán                          | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                           |
|       | ĐC, BS tăng nguồn vốn theo QĐ 1169/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh                                                                                                                  |                           |                 |                                                                                                                                                    |                         |           |                                       |           |                      |                        |                         |            |     |       |                                                |            |            |                   |                                     |                     |                                                                                           |
| 3     | Đường BTXM Khôn Hấu - Hà Quảng, xã Hòa Bình                                                                                                                                              | Xã Hòa Bình               | 2023            | QĐ 4155/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; ĐC 987/QĐ-UBND ngày 01/3/2023; ĐC QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023; BS QĐ.../QĐ-UBND ngày.../9/2024 của UBND huyện | 7.372                   | 7.372     |                                       |           | 5.682                |                        |                         |            |     |       |                                                | 1.198,000  |            |                   |                                     | Ban QLDA ĐTXD huyện | Nguồn vốn tăng, bổ sung tại Quyết định 1169/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn |
| *     | Khởi công mới năm 2023                                                                                                                                                                   |                           |                 |                                                                                                                                                    | -                       |           |                                       |           |                      |                        |                         |            |     |       | -                                              |            |            |                   |                                     |                     |                                                                                           |
| 1     | Đường Khôn Hấu - Lũng Liu, xã Hòa Bình                                                                                                                                                   | Xã Hòa Bình               | 2023            | QĐ 4150/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; ĐC 1057/QĐ-UBND ngày 16/3/2023                                                                                    | 7.557                   | 7.557     |                                       | -         |                      |                        |                         | 5.000,000  |     |       | 4.989,702                                      | 10,298     | 10,298     | 100,00%           | Trình quyết toán                    | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                           |
| 2     | Cầu Khau Sla, thôn Bán Héo, xã Trấn Ninh                                                                                                                                                 | Xã Trấn Ninh              | 2023            | QĐ 4157/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; ĐC 983/QĐ-UBND ngày 01/3/2023; ĐC QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                                                 | 879                     | 879       |                                       | -         |                      |                        |                         | 829,000    |     |       | 724,437                                        | 104,563    |            | 0,00%             | Trình quyết toán                    | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                           |
| c     | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                                                             |                           |                 |                                                                                                                                                    | 7.360                   | 7.064     | 296                                   | 5.596     | 5.000                | -                      | 596                     | 1.376,840  |     |       |                                                |            |            |                   |                                     |                     |                                                                                           |
| *     | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                                                        |                           |                 |                                                                                                                                                    |                         |           |                                       | -         |                      |                        |                         |            |     |       | -                                              |            |            |                   |                                     |                     |                                                                                           |
| 1     | Nhà hành chính trường TH&THCS xã Tráng Các                                                                                                                                               | Xã Tráng Các              | 2022-2023       | 3553, ngày 6/10/2021; ĐC 4689 ngày 20/12/2021; ĐC QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                                                                  | 3.553                   | 3.417     | 136                                   | 3.286     | 3.000                |                        | 286                     | 229,840    |     |       | 147,371                                        | 82,469     | 82,469     | 100,00%           | Quyết toán                          | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                           |
| 2     | Cải tạo Trụ sở xã Chu Túc (cũ) thành khu hành chính và xây dựng các phòng bộ môn Trường TH&THCS 3 An Sơn                                                                                 | Xã An Sơn                 | 2022-2023       | QĐ 4465, ngày 30/11/2021; ĐC QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                                                                                       | 3.807                   | 3.647     | 160                                   | 2.310     | 2.000                |                        | 310                     | 1.147,000  |     |       | 1.053,141                                      | 93,859     | 93,859     | 100,00%           | Thi công xong                       | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                           |
| 3     | Cải tạo phòng học Điểm Trường TH&THCS xã Liên Hới, huyện Văn Quan                                                                                                                        |                           |                 |                                                                                                                                                    |                         |           |                                       |           |                      |                        |                         | 95,788     |     |       | 95,787                                         | 0,001      |            | 0%                | Quyết toán                          |                     |                                                                                           |
| III   | Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực                                                                                                                  |                           |                 |                                                                                                                                                    | 6.819                   | 6.819     | -                                     | -         | -                    | -                      | -                       | 1.570,000  | -   | 502   | 1.512,638                                      | 57,362     | -          | 0,00%             |                                     |                     |                                                                                           |
| III.1 | Tiểu dự án 01: Đối mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDT nội trú, trường PTDT bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS |                           |                 |                                                                                                                                                    | 6.819                   | 6.819     | -                                     | -         | -                    | -                      | -                       | 1.570,000  | -   | 502   | 1.512,638                                      | 57,362     | -          | 0,00%             |                                     |                     |                                                                                           |
| b     | Khởi công mới năm 2023                                                                                                                                                                   |                           |                 |                                                                                                                                                    | -                       |           |                                       |           |                      |                        |                         |            |     |       | -                                              |            |            |                   |                                     |                     |                                                                                           |
| 1     | Xây dựng nhà hành chính, phòng bộ môn trường PTDTBT Tiểu học Đồng Giáp                                                                                                                   | Xã Đồng Giáp              | 2023            | QĐ 4158/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; ĐC 1244/QĐ-UBND ngày 28/3/2023                                                                                    | 6.819                   | 6.819     |                                       |           |                      |                        |                         | 1.570,000  |     | 502   | 1.512,638                                      | 57,362     |            | 0,00%             | Đang thi công hoàn thiện            | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                           |
| B     | CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÀM NGHEO BÊN VÙNG                                                                                                                                                    |                           |                 |                                                                                                                                                    | 187.873                 | 158.816   | 29.057                                | 41.026    | 38.000               | -                      | 3.026                   | 71.514,127 | -   | 3.017 | 25.443,124                                     | 50.647,154 | 13.821,341 | 27,29%            |                                     |                     |                                                                                           |
| I     | Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo                                                 |                           |                 |                                                                                                                                                    | 187.873                 | 158.816   | 29.057                                | 41.026    | 38.000               | -                      | 3.026                   | 71.514,127 | -   | 3.017 | 25.443,124                                     | 50.647,154 | 13.821,341 | 27,29%            |                                     |                     |                                                                                           |
| I.1   | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo                                                                                                          |                           |                 |                                                                                                                                                    | 73.672                  | 72.546    | 1.126                                 | 41.026    | 38.000               | -                      | 3.026                   | 11.125,127 | -   | 1.205 | 8.143,705                                      | 7.557,573  | 386,665    | 5,12%             |                                     |                     |                                                                                           |
| a     | Lĩnh vực Giao thông                                                                                                                                                                      |                           |                 |                                                                                                                                                    | 32.217                  | 31.462    | 755                                   | 24.415    | 22.500               | -                      | 1.915                   | 5.296,000  | -   | -     | 4.083,672                                      |            |            |                   |                                     |                     |                                                                                           |
| *     | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                                                        |                           |                 |                                                                                                                                                    |                         |           |                                       |           |                      |                        |                         |            |     |       |                                                |            |            |                   |                                     |                     |                                                                                           |
| 1     | Đường Nà Lặc - Nà Keo, xã Lương Năng. Hạng mục: xây dựng mặt đường                                                                                                                       | Xã Lương Năng             | 2022-2023       | 4033, ngày 16/11/2021; ĐC QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                                                                                          | 6.230                   | 6.060     | 170                                   | 5.390     | 5.000                |                        | 390                     | 384,000    |     |       | 120,000                                        | 264,000    |            | 0,00%             | Trình quyết toán                    | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                           |

|                                                                                |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     |           |   |       |            |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------|--------|--------|--------|---|-----|-----------|---|-------|------------|------------|------------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2                                                                              | Đường Bán Bác – Hà Quảng – Lũng Ráng, xã Hòa Bình                                                                                                             | Xã Hòa Bình        | 2022-2023 | 4726 ngày 22/12/2021; ĐC QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                                                           | 4.832   | 4.732  | 100    | 4.280  | 4.000  |   | 280 | 290,000   |   |       | 112,345    | 177,655    |            | 0,00%  | Thi công xong, đã kiểm tra điều kiện nghiệm thu                                                                                                                                                           | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| 3                                                                              | Đường Pá Tuồng - Phai Lúa, xã Đồng Giáp                                                                                                                       | Xã Đồng Giáp       | 2022-2023 | 4746/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; ĐC QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                                                   | 5.600   | 5.500  | 100    | 4.800  | 4.500  |   | 300 | 650,000   |   |       | 458,878    | 191,122    |            | 0,00%  | Trình quyết toán                                                                                                                                                                                          | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| 4                                                                              | Đường từ thôn Nà Lốc ra cầu treo Tân Thanh, xã Tú Xuyen, huyện Văn Quan                                                                                       | Xã Tú Xuyen - TTVQ | 2022-2023 | 2055, ngày 23/6/2022                                                                                               | 10.610  | 10.438 | 172    | 5.472  | 5.000  |   | 472 | 3.500,000 |   |       | 3.318,082  | 181,918    |            | 0,00%  | Thi công xong                                                                                                                                                                                             | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| 5                                                                              | Đồ BTXM trục thôn Tầm Đông, thôn Bàn Thượng, xã Liên Hội                                                                                                      | Xã Liên Hội        | 2022-2023 | 3479, ngày 27/9/2021. ĐC 4508, ngày 06/10/2021                                                                     | 2.451   | 2.338  | 113    | 2.243  | 2.000  |   | 243 | 208,000   |   |       | 74,367     | 133,633    | 7,041      | 5,27%  | Quyết toán                                                                                                                                                                                                | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| 6                                                                              | Đồ BTXM đường trục xã Bàn Thượng, xã Liên Hội                                                                                                                 | Xã Liên Hội        | 2022-2023 | QĐ 3492, ngày 28/9/2021; ĐC 4758 ngày 27/12/2021                                                                   | 2.494   | 2.394  | 100    | 2.230  | 2.000  |   | 230 | 264,000   |   |       |            | 264,000    |            | 0,00%  | Trình quyết toán                                                                                                                                                                                          | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| 7                                                                              | Đường BTXM Phiến Mầu, xã An Sơn - Kho kỹ thuật quân sự, huyện Văn Quan                                                                                        | Xã An Sơn          | 2023      | 4787, ngày 28/12/2021; ĐC vốn QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023; ĐC 2228/QĐ-UBND ngày 30/7/2024                      | 7.506   | 6.906  | 600    |        |        |   |     | 3.258,151 |   |       | 2.000,000  | 3.258,151  |            | 0,00%  | Đang thi công mặt đường BTXM                                                                                                                                                                              | Ban QLDA ĐTXD huyện        | Nguồn vốn tăng, bổ sung tại Quyết định 1169/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn |
| <b>ĐC, BS tăng nguồn vốn theo QĐ 1169/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh</b> |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     |           |   |       |            |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
|                                                                                | Cầu Pác Cáp, xã Bình Phúc                                                                                                                                     | Xã Bình Phúc       | 2022-2024 | 4121, ngày 08/12/2022                                                                                              | 2.846   | 2.846  |        |        |        |   |     |           |   |       |            | 818,000    |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            | Nguồn vốn tăng, bổ sung tại Quyết định 1169/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn |
|                                                                                | Mở mới nền đường Nà Thòa - Quang Bí, xã An Sơn                                                                                                                | Xã An Sơn          | 2023-2024 | 4149, ngày 15/12/2022                                                                                              | 4.996   | 4.996  |        |        |        |   |     |           |   |       |            | 500,000    |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
| b                                                                              | Lĩnh vực Thủy lợi                                                                                                                                             |                    |           |                                                                                                                    | 3.300   | 3.300  | -      | -      | -      | - | -   | 1.500     | - | -     | 1.436      |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
| <b>* Khởi công mới năm 2023</b>                                                |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     |           |   |       |            |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
| 1                                                                              | Đập Vằng Dìn, xã Tri Lễ                                                                                                                                       | Xã Tri Lễ          | 2023      | QĐ 414152/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; ĐC 985/QĐ-UBND ngày 01/3/2023                                                   | 3.300   | 3.300  |        |        |        |   |     | 1.500,000 |   |       | 1.436,081  | 63,919     |            | 0,00%  | Thi công xong                                                                                                                                                                                             | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| c                                                                              | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                                  |                    |           |                                                                                                                    | 20.153  | 19.873 | 280    | 12.840 | 12.000 | - | 840 | 3.787,228 | - | -     | 2.334,764  |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
| <b>* Dự án hoàn thành</b>                                                      |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     |           |   |       |            |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
|                                                                                |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     | -         |   |       | -          |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
| 1                                                                              | Nâng cấp trường Tiểu Học xã Lương Năng                                                                                                                        | Xã Lương Năng      | 2022      | QĐ 4541, ngày 07/12/2021; ĐC 1397, ngày 29/4/2022; QT 1035, ngày 10/3/2023; ĐC vốn QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 | 4.525   | 4.365  | 160    | 3.840  | 3.500  |   | 340 | 506,228   |   |       | 497,459    | 8,769      | 0,080      | 0,91%  | Quyết toán                                                                                                                                                                                                | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| <b>* Dự án chuyển tiếp</b>                                                     |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     |           |   |       |            |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
|                                                                                |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     | -         |   |       | -          |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
| 1                                                                              | Xây dựng nhà hành chính và các phòng chức năng Trường THPTCS xã Trấn Ninh                                                                                     | Xã Trấn Ninh       | 2022-2023 | 4925/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; ĐC vốn QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                                               | 4.601   | 4.541  | 60     | 3.740  | 3.500  |   | 240 | 589,000   |   |       | 342,834    | 246,166    | 237,756    | 96,58% | Trình quyết toán                                                                                                                                                                                          | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| 2                                                                              | Xây dựng khu hành chính và các phòng chức năng Trường THCS xã Lương Năng                                                                                      | Xã Lương Năng      | 2022-2023 | 4927, ngày 29/12/2021; ĐC vốn QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                                                      | 5.827   | 5.767  | 60     | 5.260  | 5.000  |   | 260 | 392,000   |   |       | 290,967    | 101,033    | 74,122     | 73,36% | Quyết toán                                                                                                                                                                                                | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| <b>* Khởi công mới năm 2023</b>                                                |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     |           |   |       |            |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
|                                                                                |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     | -         |   |       | -          |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
| 1                                                                              | Nhà hành chính, phòng chức năng Trường Mầm non Đồng Giáp                                                                                                      | Xã Đồng Giáp       | 2023      | QĐ 4187/QĐ-UBND ngày 16/12/2022; ĐC 1518/QĐ-UBND ngày 20/4/2023                                                    | 5.200   | 5.200  |        |        |        |   |     | 2.300,000 |   |       | 1.203,504  | 1.096,496  |            | 0,00%  | Không thực hiện do thực hiện đề án sát nhập ĐVHC cấp xã                                                                                                                                                   | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| d                                                                              | Lĩnh vực Văn hóa xã hội                                                                                                                                       |                    |           |                                                                                                                    | 18.002  | 17.911 | 91     | 3.771  | 3.500  | - | 271 | 541,899   |   | 1.205 | 289,188    |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
| <b>* Dự án chuyển tiếp</b>                                                     |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     |           |   |       |            |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
|                                                                                |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     | -         |   |       | -          |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
| 1                                                                              | Nhà Văn Hóa xã Lương Năng                                                                                                                                     | Xã Lương Năng      | 2022-2023 | 3770, ngày 18/10/2021; ĐC 4672, ngày 17/12/2021; ĐC vốn QĐ 4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2023                            | 4.424   | 4.333  | 91     | 3.771  | 3.500  |   | 271 | 267,000   |   |       | 14,401     | 252,599    | 67,666     | 26,79% | Đã bàn giao nghiệm thu, đang lập hồ sơ trình quyết toán                                                                                                                                                   | Ban QLDA ĐTXD huyện        |                                                                                           |
| <b>* Khởi công mới năm 2023</b>                                                |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     |           |   |       |            |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
|                                                                                |                                                                                                                                                               |                    |           |                                                                                                                    |         |        |        |        |        |   |     | -         |   |       | -          |            |            |        |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |
| 1                                                                              | Nhà văn hóa xã Tràng Các                                                                                                                                      | Xã Tràng Các       | 2023      | QĐ 4188/QĐ-UBND ngày 16/12/2022; ĐC CĐT 4570, ngày 31/12/2022; ĐC giám KHV QĐ 4368/QĐ-UBND ngày 14/11/2023         | 3.878   | 3.878  |        |        |        |   |     |           |   |       | 274,787    | 0,112      |            | 0,00%  | Cong trình đang thi công theo yêu cầu tại Công văn số 267/HĐND ngày 30/10/2023 của HĐND huyện Văn Quan; Công văn số 2322/UBND-VP ngày 06/11/2023 của UBND huyện Văn Quan. Chủ đầu tư có Báo cáo số 545/BC | Ban QLCT MTQG xã Tràng Các |                                                                                           |
| 1.2                                                                            | Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 -2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt |                    | 2023      |                                                                                                                    | 114.201 | 86.270 | 27.931 | -      | -      | - | -   | 60.389    | - | 1.812 | 17.299,419 | 43.089,581 | 13.434,676 | 31,18% |                                                                                                                                                                                                           |                            |                                                                                           |

|   |                                                                                     |                                          |           |                                                                   |        |        |        |  |  |  |  |            |     |           |            |           |        |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|--|--|--|--|------------|-----|-----------|------------|-----------|--------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Nâng cấp cải tạo đường ĐH.58 (Ba Xã -Chợ Bãi)                                       | Xã Trảng Phái,<br>Yên Phúc, Bình<br>Phúc | 2023-2025 | 2957/QĐ-UBND ngày<br>20/7/2023                                    | 14.773 | 10.990 | 3.783  |  |  |  |  | 10.000,000 | 300 | 5.775,816 | 4.224,184  | 774,450   | 18,33% | Ban QLDA ĐTXD huyện | Ban QLDA ĐTXD đã phối hợp Trung tâm PTQĐ tổ chức kiểm đếm đoạn tuyến số 02 tại xã Trảng Phái lên phương án bồi thường và đã tạm ứng của nhà thầu thi công tiến hành chi trả số tiền là 275.624.880 đồng cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng. Tại đoạn tuyến số 01 qua địa bàn xã Yên Phúc, Bình Phúc hiện tại đã ra thông báo thu hồi đất và kiểm đếm xong, hiện đang được phòng TNMT làm giá đất cụ thể, xong sẽ chuyển cho TTPTQĐ áp giá đền bù và miễn yết thực hiện chi trả tiền cho các hộ dân                                           |
| 2 | Cầu Pác Láng, xã Diêm He                                                            | xã Diêm He                               | 2023-2025 | 2318/QĐ-UBND ngày<br>8/6/2023; ĐC 248/QĐ-<br>BQLDA ngày 07/9/2023 | 20.953 | 20.000 | 953    |  |  |  |  | 17.389,000 | 400 | 7.325,994 | 10.063,006 | 3.946,772 | 39,22% | Ban QLDA ĐTXD huyện | Đang chuẩn bị công tác lập dân. Hiện dự án đã chi trả được phần cây cối hoa màu trên đất cho 12/15 hộ. Còn phần kiến trúc hiện tại TTPTQĐ đang lên phương án để trình hội đồng GPMB huyện phê duyệt và tiếp tục vận động người dân nhận tiền đền bù để hiện đất làm đường. Hiện tại trên tuyến còn 2 hộ gia đình không đồng ý hiện đất (hộ ông Hoàng Sỹ Hưng và mẹ của hộ Lý Văn Thịnh là bà Sơn) yêu cầu phải bồi thường về đất mới cho thi công. Các hộ có vật kiến trúc trên đất đang chờ có phương án hỗ trợ bồi thường để xem xét đơn |
| 3 | Xây dựng cầu + đường bê tông xi măng Tân Thanh 2 –<br>Thanh Xuân, thị trấn Văn Quan | Thị trấn Văn<br>Quan                     | 2023-2025 | 3146/QĐ-UBND ngày<br>8/8/2023                                     | 14.236 | 11.953 | 2.283  |  |  |  |  | 10.000,000 | 300 | 3.429,056 | 6.570,944  |           | 0,00%  | Ban QLDA ĐTXD huyện | Đây là Dự án Nhân dân hiến đất, chỉ hỗ trợ về cây cối, hoa màu. Chủ đầu tư (Ban QLDA huyện) đã phối hợp cùng Trung tâm PTQĐ thực hiện kiểm đếm tuy nhiên còn một số hộ do vướng mắc mặt bằng do yêu cầu điều chỉnh tuyến qua mộ, qua các phần đất bị ảnh hưởng nên chưa thực hiện kiểm đếm được. Công trình hiện đã phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hiện đang thực hiện điều chỉnh trích đo để tiến hành kiểm đếm tiếp các hộ còn lại                                                                                                        |
| 4 | Xây dựng các tuyến nhánh từ cầu Đức Hình - QL.279                                   | TT. Văn Quan                             | 2023-2025 | QĐ Báo cáo NCKT số<br>4179/QĐ-UBND ngày<br>30/10/2023             | 49.976 | 33.327 | 16.649 |  |  |  |  | 23.000,000 | 512 | 768,553   | 22.231,447 | 8.713,454 | 39,19% | Ban QLDA ĐTXD huyện | Công tác lựa chọn nhà thầu: đã lựa chọn xong nhà thầu. Hàng mục cầu đang thi công đúc dầm, Hiện tại đã được nghiệm thu công tác trích đo, đang hoàn thiện hồ sơ trình sở TNMT ký nghiệm thu và thực hiện các công tác tiếp theo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023 KÉO DÀI SANG 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện Văn Quan)

Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình huyện Văn Quan

| STT | Danh mục dự án đầu tư                                                                               | Thời gian<br>KC-HT | Quyết định đầu tư ban đầu (hoặc điều chỉnh lần cuối) |                               |                            | Lũy kế vốn bố trí đến 31/12/2022     |          |      |    | Kế hoạch vốn<br>ngân sách<br>tỉnh bổ sung<br>năm 2023 | Kết quả giải<br>ngân ngày<br>31/01/2024 | KH chuyển<br>nguồn sang<br>2024 | Kết quả giải<br>ngân ngày<br>10/9/2024 | Tỷ lệ | Tiến độ    | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|----------|------|----|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------|-------|------------|---------|
|     |                                                                                                     |                    | TMDT                                                 |                               |                            | Tổng số (tất<br>cả các<br>nguồn vốn) | Trong đó |      |    |                                                       |                                         |                                 |                                        |       |            |         |
|     |                                                                                                     |                    | Tổng số (tất cả<br>các nguồn vốn)                    | Trong đó:<br>(NSTW-NSDP: 1:1) |                            |                                      | NSTW     | NSDP |    |                                                       |                                         |                                 |                                        |       |            |         |
|     |                                                                                                     |                    |                                                      | NSTW                          | NSDP<br>(NST-<br>NSH: 70%- |                                      |          |      |    |                                                       |                                         |                                 |                                        |       |            |         |
| 1   | 2                                                                                                   | 3                  | 5                                                    | 6                             | 7                          | 8                                    | 9        | 10   | 11 | 14                                                    |                                         |                                 |                                        |       |            | 15      |
|     | CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI                                                            |                    | 2.192                                                | 1.096                         | 1.096                      | 1.696                                | 1.096    | 600  | -  | 167                                                   | 1,518                                   | 165,482                         | 165,482                                | 100%  |            |         |
|     | Dự án Thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội                                         |                    | 2.192                                                | 1.096                         | 1.096                      | 1.696                                | 1.096    | 600  | -  | 167                                                   |                                         |                                 |                                        |       |            |         |
| 1   | Dự án khởi công mới thuộc Kế hoạch năm 2022                                                         |                    | 2.192                                                | 1.096                         | 1.096                      | 1.696                                | 1.096    | 600  | -  | 167                                                   |                                         |                                 |                                        |       |            |         |
| c   | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                                        |                    | 2.192                                                | 1.096                         | 1.096                      | 1.696                                | 1.096    | 600  | -  | 167                                                   |                                         |                                 |                                        |       |            |         |
| *   | Khởi công mới năm 2022                                                                              |                    |                                                      |                               |                            |                                      |          |      |    |                                                       |                                         | -                               |                                        |       |            |         |
| 1   | Xây dựng phòng giáo dục thể chất - nghệ thuật, phòng tin học, phòng đa năng Trường Mầm non Yên Phúc | 2022               | 2.192                                                | 1.096                         | 1.096                      | 1.696                                | 1.096    | 600  |    | 167                                                   | 1,518                                   | 165,482                         | 165,482                                | 100%  | Quyết toán |         |

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (CẤP TỈNH QUẢN LÝ) NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện văn Quan)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT  | Danh mục dự án                                                                                                 | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                                                                           |                                |                | KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 |                |                                 |                    | Trong đó, đã bố trí kế hoạch vốn các năm 2021-2023 | Kế hoạch đầu tư năm 2024 | Đơn vị đề xuất chủ trương / Chủ đầu tư | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 | Tỷ lệ   | Tiến độ                                  | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|---------|------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                |             |                   |                 | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành                                                     | Tổng mức đầu tư                |                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                                    | Trong đó: NSDP |                                 |                    |                                                    |                          |                                        |                                  |         |                                          |         |
|     |                                                                                                                |             |                   |                 |                                                                                             | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |                                                                   | Tổng số        | Thu hồi các khoản vốn ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |                                                    |                          |                                        |                                  |         |                                          |         |
|     | TỔNG SỐ                                                                                                        |             |                   |                 |                                                                                             |                                |                |                                                                   |                |                                 |                    |                                                    |                          |                                        |                                  |         |                                          |         |
| A   | VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ                                                                         |             |                   |                 |                                                                                             | 51.975                         | 12.000         | 51.975                                                            | 12.000         | -                               | -                  | 10.719                                             | 1.281                    |                                        | 1.281                            | 100,00% |                                          |         |
| I   | Ngành, lĩnh vực Văn hóa - Xã hội                                                                               |             |                   |                 |                                                                                             | 51.975                         | 12.000         | 51.975                                                            | 12.000         | -                               | -                  | 10.719                                             | 1.281                    |                                        | 1.281                            | 100,00% |                                          |         |
| (2) | Dự án chuyển tiếp                                                                                              |             |                   |                 |                                                                                             | 51.975                         | 12.000         | 51.975                                                            | 12.000         | -                               | -                  | 10.719                                             | 1.281                    |                                        | 1.281                            | 100,00% |                                          |         |
| 1   | Hỗ trợ GPMB dự án Mở rộng khuôn viên tượng đài Lương Văn Tri, thị trấn Văn Quan, huyện văn Quan, tỉnh Lạng Sơn | TT.Văn Quan |                   | 2022-2025       | 846-TB/VPTU ngày 30/8/2021; 3760/VPKT ngày 06/9/2021; 65/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 (Văn Quan) | 51.975                         | 12.000         | 51.975                                                            | 12.000         |                                 |                    | 10.719                                             | 1.281                    | Ban QLDA ĐTXD huyện                    | 1.281                            | 100,00% | Đang thực hiện chi trả đền bù các hộ dân |         |

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG PHÂN CẤP CHO HUYỆN QUẢN LÝ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2021/NQ-HĐND NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện văn Quan)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT                                                        | Danh mục dự án                                                                | Địa điểm XD  | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                                                                                                                 |                                |                       | KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 |                       |                                 |                    | Lũy kế vốn bố trí kế hoạch vốn các năm 2021-2023 | Kế hoạch đầu tư năm 2024 | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 | Tỷ lệ giải ngân | Tiến độ                                                                                                        | Ghi chú                                | Đơn vị đề xuất chủ trương / Chủ đầu tư |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
|                                                           |                                                                               |              |                 | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành                                                                                           | Tổng mức đầu tư                |                       | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                                    | Trong đó: NSDP (NQ16) |                                 |                    |                                                  |                          |                                  |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
|                                                           |                                                                               |              |                 |                                                                                                                                   | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP (NQ16) |                                                                   | Tổng số               | Thu hồi các khoản vốn ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |                                                  |                          |                                  |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| VỐN NGHỊ QUYẾT 16/2021/NQ-HĐND PHÂN CẤP CHO HUYỆN QUẢN LÝ |                                                                               |              |                 |                                                                                                                                   | 52.285                         | 36.307                | 52.285                                                            | 36.307                | -                               | -                  | 24.113                                           | 9.963                    | 7.176,218                        |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| I                                                         | Lĩnh vực quản lý nhà nước                                                     |              |                 |                                                                                                                                   | 10.977                         | 7.627                 | 10.977                                                            | 7.627                 | -                               | -                  | 800                                              | 1.568                    | 1.529,218                        |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| b                                                         | Dự án chuyển tiếp                                                             |              |                 |                                                                                                                                   |                                |                       |                                                                   |                       |                                 |                    |                                                  |                          |                                  |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| 1                                                         | Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Trấn Ninh                                    | Xã Trấn Ninh | 2023-2024       | QĐ 4194/QĐ-UBND ngày 16/12/2022; ĐC 1059 ngày 17/3/2023                                                                           | 2.381                          | 1.981                 | 2.381                                                             | 1.981                 |                                 |                    | 800                                              | 868                      | 868,000                          | 100,00%         | Đã kiểm tra điều kiện nghiệm thu                                                                               |                                        | Ban QLDA ĐTXD huyện                    |
| c                                                         | Dự án khởi công mới 2024                                                      |              |                 |                                                                                                                                   |                                |                       |                                                                   |                       |                                 |                    |                                                  |                          |                                  |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| 1                                                         | Xây dựng Trụ sở UBND Thị trấn Văn Quan                                        | TT.Văn Quan  | 2024-2025       | QĐ 4163/QĐ-UBND ngày 16/12/2022                                                                                                   | 6.000                          | 3.050                 | 6.000                                                             | 3.050                 |                                 |                    |                                                  |                          |                                  | #DIV/0!         | Chưa phù hợp quy hoạch chi tiết nên chưa thực hiện                                                             | Giám đm QĐ 2523/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 | Ban QLDA ĐTXD huyện                    |
| 2                                                         | Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Tri Lễ                                       | Xã Tri Lễ    | 2024            | QĐ 4925/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; ĐC QĐ 453/QĐ-UBND ngày 20/02/2024; ĐC QĐ 1822/QĐ-UBND ngày 20/6/2024                             | 2.596                          | 2.596                 | 2.596                                                             | 2.596                 |                                 |                    |                                                  | 700                      | 661,218                          | 94,46%          | Đang xây tường tầng 1                                                                                          |                                        | Ban QLDA ĐTXD huyện                    |
| II                                                        | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                  |              |                 |                                                                                                                                   | 19.515                         | 8.234                 | 19.515                                                            | 8.234                 | -                               | -                  | 11.965                                           | 2.921                    | 2.921,000                        |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| (a)                                                       | Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023                          |              |                 |                                                                                                                                   |                                |                       |                                                                   |                       |                                 |                    |                                                  |                          |                                  |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| 1                                                         | Nhà lớp học bộ môn Trường tiểu học I thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan        | TT.Văn Quan  | 2022-2023       | QĐ số 2340/QĐ-UBND ngày 18/7/2022; ĐC 1021/QĐ-UBND ngày 08/03/2023                                                                | 7.420                          | 3.734                 | 7.420                                                             | 3.734                 |                                 |                    | 6.686                                            | 700                      | 700,000                          | 100,00%         | QT                                                                                                             |                                        | Ban QLDA ĐTXD huyện                    |
| 2                                                         | Nhà lớp học bộ môn Trường TH&THCS Khánh Khê, huyện Văn Quan                   | Xã Khánh Khê | 2022-2023       | 2470/QĐ-UBND ngày 26/7/2022; ĐC 1073/QĐ-UBND ngày 20/3/2023                                                                       | 8.289                          | 3.000                 | 8.289                                                             | 3.000                 |                                 |                    | 4.600                                            | 1.121                    | 1.121,000                        | 100,00%         | QT                                                                                                             |                                        | Ban QLDA ĐTXD huyện                    |
| (b)                                                       | Dự án chuyển tiếp                                                             |              |                 |                                                                                                                                   |                                |                       |                                                                   |                       |                                 |                    |                                                  |                          |                                  |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| 1                                                         | Nhà đa năng Trường Tiểu học 1 thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan               | TT.Văn Quan  | 2023-2024       | QĐ 4154/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; ĐC 1022, ngày 08/3/2023                                                                          | 3.806                          | 1.500                 | 3.806                                                             | 1.500                 |                                 |                    | 679                                              | 1.100                    | 1.100,000                        | 100,00%         | Đang trình thẩm tra QT                                                                                         |                                        | Ban QLDA ĐTXD huyện                    |
| III                                                       | Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội                                                     |              |                 |                                                                                                                                   | 4.297                          | 2.950                 | 4.297                                                             | 2.950                 | -                               | -                  | 600                                              | 2.100                    | 1.100,000                        |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| (b)                                                       | Dự án chuyển tiếp                                                             |              |                 |                                                                                                                                   |                                |                       |                                                                   |                       |                                 |                    |                                                  |                          |                                  |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| 1                                                         | Nhà luyện tập và thi đấu thể thao huyện Văn Quan                              | TT.Văn Quan  | 2023-2024       | QĐ 4156/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; ĐC 941, ngày 28/2/2023                                                                           | 4.297                          | 2.950                 | 4.297                                                             | 2.950                 |                                 |                    | 600                                              | 1.100                    | 1.100,000                        | 100,00%         | Thi công xong                                                                                                  |                                        | Ban QLDA ĐTXD huyện                    |
| Danh mục bổ sung vốn                                      |                                                                               |              |                 |                                                                                                                                   |                                |                       |                                                                   |                       |                                 |                    |                                                  |                          |                                  |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| 2                                                         | Mở rộng khuôn viên tượng đài Lương Văn Tri, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan | TT.Văn Quan  | 2023-2025       | 846-TB/VPTU ngày 30/8/2021; 3760/VPKT ngày 06/9/2021; 65/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 (Văn Quan); BS đm QĐ 2523/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 | 51.975                         |                       | 51.975                                                            |                       |                                 |                    |                                                  | 1.000                    |                                  |                 | Đang lập hồ sơ mời thầu tuy nhiên chưa đủ điều kiện để tổ chức lựa chọn nhà thầu do chưa có mặt bằng thực hiện | BS đm QĐ 2523/QĐ-UBND ngày 05/9/2024   | Ban QLDA ĐTXD huyện                    |
| IV                                                        | Hỗ trợ xi măng GTNT; Xi măng thủy lợi nhỏ                                     |              |                 |                                                                                                                                   | 17.496                         | 17.496                | 17.496                                                            | 17.496                | -                               | -                  | 10.748                                           | 3.374                    | 1.626,000                        |                 |                                                                                                                |                                        |                                        |
| 1                                                         | Hỗ trợ xi măng đường giao thông nông thôn                                     | VQ           | 2021-2025       | NQ 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2022                                                                                                      | 15.996                         | 15.996                | 15.996                                                            | 15.996                |                                 |                    | 9.848                                            | 3.074                    | 1.326,000                        | 43,14%          | Đang thực hiện                                                                                                 |                                        | Phòng KT&HT                            |
| 2                                                         | Xi măng làm thủy lợi nhỏ                                                      | VQ           | 2021-2025       | NQ 06/NQ-HĐND ngày 12/7/2022                                                                                                      | 1.500                          | 1.500                 | 1.500                                                             | 1.500                 |                                 |                    | 900                                              | 300                      | 300,000                          | 100,00%         | Hoàn thành                                                                                                     |                                        | Phòng NN&PTNT                          |

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN THU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện Văn Quan)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT  | Danh mục dự án                                                                | Địa điểm XD                | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                                                                                      |                                |                | KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 |                |                                 | Lũy kế vốn bố trí kế hoạch vốn các năm 2021-2023 | Kế hoạch đầu tư năm 2024 | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 | Tỷ lệ     | Tiến độ | Đơn vị đề xuất chủ trương / Chủ đầu tư                                                                         | Ghi chú             |                                       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|-----------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------|
|     |                                                                               |                            |                   |                 | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành                                                                | Tổng mức đầu tư                |                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                                    | Trong đó: NSDP |                                 |                                                  |                          |                                  |           |         |                                                                                                                |                     |                                       |
|     |                                                                               |                            |                   |                 |                                                                                                        | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |                                                                   | Tổng số        | Thu hồi các khoản vốn ứng trước |                                                  |                          |                                  |           |         |                                                                                                                |                     | Thanh toán nợ XDCB                    |
|     | VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT                                           |                            |                   |                 |                                                                                                        | 195.223                        | 175.628        | 195.223                                                           | 175.628        | -                               | -                                                | 7.500                    | 4.728                            | 2.739,321 | 57,94%  |                                                                                                                |                     |                                       |
| I   | Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội                                                     |                            |                   |                 |                                                                                                        | 63.998                         | 51.998         | 63.998                                                            | 51.998         | -                               | -                                                | 531                      | 1.000                            | -         | 0,00%   |                                                                                                                |                     |                                       |
| b   | Dự án chuyển tiếp                                                             |                            |                   |                 |                                                                                                        |                                |                |                                                                   |                |                                 |                                                  |                          |                                  |           |         |                                                                                                                |                     |                                       |
| 1   | Mở rộng khuôn viên tượng đài Lương Văn Tri, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan | TT.Văn Quan                |                   | 2022-2025       | 846-TB/VPTU ngày 30/8/2021; 3760/VPKT ngày 06/9/2021; 65/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 (Văn Quan)            | 51.975                         | 39.975         | 51.975                                                            | 39.975         |                                 |                                                  | 531                      | 900                              |           | 0,00%   | Đang lập hồ sơ mời thầu tuy nhiên chưa đủ điều kiện để tổ chức lựa chọn nhà thầu do chưa có mặt bằng thực hiện | Ban QLDA ĐTXD huyện | ĐC KHV QĐ 2523/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 |
| 2   | Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ huyện Văn Quan                                    | TT.Văn Quan                |                   | 2023-2024       | 4050/QĐ-UBND ngày 29/11/2022; ĐC 1370/QĐ-UBND ngày 31/3/2023                                           | 12.023                         | 12.023         | 12.023                                                            | 12.023         |                                 |                                                  |                          | 100                              |           | 0,00%   | Tạm dừng dự án                                                                                                 | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                       |
| II  | Ngành, lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư                                   |                            |                   |                 |                                                                                                        | 112.358                        | 112.358        | 112.358                                                           | 112.358        | -                               | -                                                | 1.490                    | 1.000                            | 500,000   | 50,00%  |                                                                                                                |                     |                                       |
| b   | Dự án chuyển tiếp                                                             |                            |                   |                 |                                                                                                        |                                |                |                                                                   |                |                                 |                                                  |                          |                                  |           |         |                                                                                                                |                     |                                       |
| 1   | Khu dân cư Chợ Bãi, xã Yên Phúc                                               | Xã Yên Phúc                |                   | 2022-2024       | 4099/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; ĐC CĐT QĐ 2197/QĐ-UBND ngày 26/7/2024                                    | 74.810                         | 74.810         | 74.810                                                            | 74.810         |                                 |                                                  | 970                      | 500                              | 500,000   | 100,00% | Đang thực hiện                                                                                                 | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                       |
| 2   | Khu dân cư phố Diêm He, xã Diêm He                                            | Xã Diêm He                 |                   | 2022-2024       | 4238/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; ĐC QĐ 1337/QĐ-UBND ngày 29/4/2024; ĐC CĐT QĐ 1736/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 | 37.548                         | 37.548         | 37.548                                                            | 37.548         |                                 |                                                  | 520                      | 500                              |           | 0,00%   | Đang thực hiện                                                                                                 | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                       |
| III | Lĩnh vực quản lý nhà nước                                                     |                            |                   |                 |                                                                                                        | 4.858                          | 4.858          | 4.858                                                             | 4.858          | -                               | -                                                | 200                      | 728                              | 720,321   | 98,95%  |                                                                                                                |                     |                                       |
| c   | Dự án khởi công mới 2024                                                      |                            |                   |                 |                                                                                                        |                                |                |                                                                   |                |                                 |                                                  |                          |                                  |           |         |                                                                                                                |                     |                                       |
| 1   | Xây dựng Trụ sở Khối Dân vận huyện Văn Quan                                   | Khuôn viên trụ sở Huyện ủy |                   | 2024            | 4926/QĐ-ngày 22/12/2023; ĐC QĐ 454/QĐ-UBND ngày 20/02/2024                                             | 4.858                          | 4.858          | 4.858                                                             | 4.858          |                                 |                                                  | 200                      | 728                              | 720,321   | 98,95%  | Đang thi công móng                                                                                             | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                       |
| IV  | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                  |                            |                   |                 |                                                                                                        | 12.095                         | 4.500          | 12.095                                                            | 4.500          | -                               | -                                                | 5.279                    | 1.700                            | 1.519,000 |         |                                                                                                                |                     |                                       |
| a   | Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023                          |                            |                   |                 |                                                                                                        |                                |                |                                                                   |                |                                 |                                                  |                          |                                  |           |         |                                                                                                                |                     |                                       |
| 1   | Nhà lớp học bộ môn Trường TH&THCS Khánh Khê, huyện Văn Quan                   | Xã Khánh Khê               |                   | 2022-2023       | 2470/QĐ-UBND ngày 26/7/2022; ĐC 1073/QĐ-UBND ngày 20/3/2023                                            | 8.289                          | 3.000          | 8.289                                                             | 3.000          |                                 |                                                  | 4.600                    | 850                              | 669,000   | 78,71%  | Quyết toán                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                       |
| b   | Dự án chuyển tiếp                                                             |                            |                   |                 |                                                                                                        |                                |                |                                                                   |                |                                 |                                                  |                          |                                  |           |         |                                                                                                                |                     |                                       |
| 1   | Nhà đa năng Trường Tiểu học 1 thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan               | TT.Văn Quan                |                   | 2023-2024       | QĐ 4154/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; ĐC 1022, ngày 08/3/2023                                               | 3.806                          | 1.500          | 3.806                                                             | 1.500          |                                 |                                                  | 679                      | 850                              | 850,000   | 100,00% | Quyết toán                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                       |

| TT | Danh mục dự án                                                                                                 | Địa điểm XD                               | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                       |                                |                | KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 |                                |                                 | Lũy kế vốn bố trí kế hoạch vốn các năm 2021-2023 | Kế hoạch đầu tư năm 2024 | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 | Tỷ lệ | Tiến độ | Đơn vị đề xuất chủ trương / Chủ đầu tư | Ghi chú |                    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------|--------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|-------|---------|----------------------------------------|---------|--------------------|
|    |                                                                                                                |                                           |                   |                 | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư                |                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                                    | Trong đó: NSDP                 |                                 |                                                  |                          |                                  |       |         |                                        |         |                    |
|    |                                                                                                                |                                           |                   |                 |                                         | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |                                                                   | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Thu hồi các khoản vốn ứng trước |                                                  |                          |                                  |       |         |                                        |         | Thanh toán nợ XDCB |
| V  | Nội dung khác                                                                                                  |                                           |                   |                 |                                         | 1.914                          | 1.914          | 1.914                                                             | 1.914                          | -                               | -                                                | -                        | 300                              |       | 0,00%   |                                        |         |                    |
|    | Kinh phí san lấp mặt bằng                                                                                      |                                           |                   |                 |                                         |                                |                |                                                                   |                                |                                 |                                                  |                          |                                  |       |         |                                        |         |                    |
|    | San lấp mặt bằng để xây dựng trụ sở công an các xã (Trần Ninh, Trảng Phái, Lương Năng, Hữu Lễ), huyện Văn Quan | Trần Ninh, Trảng Phái, Lương Năng, Hữu Lễ |                   | 2024            | ĐC bs đm QĐ 2197/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 | 1.914                          | 1.914          | 1.914                                                             | 1.914                          |                                 |                                                  | 300                      |                                  | 0,00% |         | Ban QLDA ĐTXD huyện                    |         |                    |

Ghi chú: Tổng kế hoạch vốn thu sử dụng đất huyện giao 5.910 triệu đồng, trích 10% cho quỹ phát triển đất (591 triệu), 10% cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận (591 triệu đồng)...; phần còn lại 80% chi đầu tư xây dựng (4.728 triệu)

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG (NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH TỈNH) THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Văn Quan)

Đơn vị: triệu đồng

| TT   | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                                   | Địa điểm xây dựng | Thời gian KC- HT | QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ (LẦN ĐẦU, ĐIỀU CHỈNH LẦN CUỐI, QUYẾT TOÀN)                                      |                         |           |                                | Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021 - 2023 |                                      |                                        |               | Kế hoạch năm 2024    |                |                         | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 |                |                         | Tỷ lệ giải ngân | Tiến độ        | Chủ đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                 |                                                                                                                                                  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------|--------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|---------------|----------------------|----------------|-------------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|-----------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                                                                                                              |                   |                  | Số QĐ, ngày tháng, năm                                                                            | Tổng mức đầu tư dự kiến | Trong đó: |                                | Tổng số (tất cả nguồn vốn) đến 31/12/2023 | Trong đó                             |                                        | Huy động khác | Trong đó:            |                |                         | Trong đó:                        |                |                         |                 |                |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         |                                                                                                                                                  |
|      |                                                                                                                                                              |                   |                  |                                                                                                   |                         | Vốn NSTW  | NST, NSH và các nguồn vốn khác |                                           | Ngân sách Trung ương giao 31/12/2023 | Nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương |               | Ngân sách trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện đối ứng | Ngân sách trung ương             | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện đối ứng |                 |                |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         |                                                                                                                                                  |
|      |                                                                                                                                                              |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      | Ngân sách tỉnh                         |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                 |                |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         | Ngân sách huyện                                                                                                                                  |
|      | TỔNG CỘNG                                                                                                                                                    |                   |                  |                                                                                                   | 507.609                 | 383.378   | 117.591                        | 206.557                                   | 178.206                              | 15.279                                 | 14.098        | 229                  | 134.534        | 15.138                  | 12.079                           | 51.336,125     | 2.295,764               | 4.162,014       | 38,16%         |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         |                                                                                                                                                  |
| A    | CHƯƠNG TRÌNH MTOQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBĐTTTS VÀ MIỀN NÚI                                                                                                  |                   |                  |                                                                                                   | 149.312                 | 132.405   | 11.906                         | 54.488                                    | 51.778                               | 800                                    | 2.936         | 229                  | 54.940         | -                       | 2.748                            | 21.285,033     |                         | 1.280,600       | 38,74%         |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         |                                                                                                                                                  |
| I    | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt                                                                              |                   |                  |                                                                                                   | 33.704                  | 30.640    | 3.064                          | 10.971                                    | 10.971                               | -                                      | -             | -                    | 6.973          | -                       | 698                              | 400,000        |                         | 8,000           | 5,74%          |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         |                                                                                                                                                  |
| I.1  | Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở                                                                                                                                 | Huyện Văn Quan    |                  | QĐ 832/QĐ-UBND ngày 14/03/2024                                                                    | 33.704                  | 30.640    | 3.064                          | 10.971                                    | 10.971                               |                                        |               | -                    | 6.973          | -                       | 698                              | 400,000        | -                       | 8,000           | 5,74%          |                                                                                                                                                                                                                                                                      | UBND các xã                                                                             | Hỗ trợ xây mới nhà ở                                                                                                                             |
|      | Xã Trĩ Lễ                                                                                                                                                    |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 1.280          |                         | 128                              |                |                         | 0,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Trĩ Lễ                                                                                                                                                                                                                                                        | 32,000                                                                                  |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Khánh Khê                                                                                                                                                 |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 240            |                         | 24                               |                |                         | 0,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Khánh Khê                                                                                                                                                                                                                                                     | 6,000                                                                                   |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Đồng Giáp                                                                                                                                                 |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 600            |                         | 60                               |                |                         | 0,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Đồng Giáp                                                                                                                                                                                                                                                     | 15,000                                                                                  |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Trấn Ninh                                                                                                                                                 |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 720            |                         | 72                               |                |                         | 0,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Trấn Ninh                                                                                                                                                                                                                                                     | 18,000                                                                                  |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Hòa Bình                                                                                                                                                  |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 480            |                         | 48                               |                |                         | 0,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Hòa Bình                                                                                                                                                                                                                                                      | 12,000                                                                                  |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Bình Phúc                                                                                                                                                 |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 280            |                         | 28                               |                |                         | 0,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Bình Phúc                                                                                                                                                                                                                                                     | 7,000                                                                                   |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Lương Năng                                                                                                                                                |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 573            |                         | 58                               | 80,000         | 8,000                   | 13,96%          | Đang thực hiện | UBNDXã Lương Năng                                                                                                                                                                                                                                                    | 14,000                                                                                  |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Tân Đoàn                                                                                                                                                  |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 120            |                         | 12                               |                |                         | 0,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Tân Đoàn                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,000                                                                                   |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Tràng Phái                                                                                                                                                |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 200            |                         | 20                               |                |                         | 0,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Tràng Phái                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,000                                                                                   |                                                                                                                                                  |
|      | Xã An Sơn                                                                                                                                                    |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 600            |                         | 60                               | 40,000         |                         | 6,67%           | Đang thực hiện | UBNDXã An Sơn                                                                                                                                                                                                                                                        | 15,000                                                                                  |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Hữu Lễ                                                                                                                                                    |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 800            |                         | 80                               | 40,000         |                         | 5,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Hữu Lễ                                                                                                                                                                                                                                                        | 20,000                                                                                  |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Tú Xuyên                                                                                                                                                  |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 160            |                         | 16                               |                |                         | 0,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Tú Xuyên                                                                                                                                                                                                                                                      | 4,000                                                                                   |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Yên Phúc                                                                                                                                                  |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 320            |                         | 32                               | 160,000        |                         | 50,00%          | Đang thực hiện | UBNDXã Yên Phúc                                                                                                                                                                                                                                                      | 8,000                                                                                   |                                                                                                                                                  |
|      | Xã Tràng Cốc                                                                                                                                                 |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 360            |                         | 36                               |                |                         | 0,00%           | Đang thực hiện | UBNDXã Tràng Cốc                                                                                                                                                                                                                                                     | 9,000                                                                                   |                                                                                                                                                  |
|      | Thị trấn Văn Quan                                                                                                                                            |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 240            |                         | 24                               | 80,000         |                         | 33,33%          | Đang thực hiện | UBNDThị trấn Văn Quan                                                                                                                                                                                                                                                | 6,000                                                                                   |                                                                                                                                                  |
| II   | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                         |                   |                  |                                                                                                   | 80.082                  | 68.721    | 6.361                          | 27.741                                    | 27.512                               | 800                                    | 455           | 229                  | 38.358         | -                       | 818                              | 11.427,162     |                         | 150,000         | 29,79%         |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         |                                                                                                                                                  |
| II.1 | Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn. |                   |                  |                                                                                                   | 70.405                  | 63.921    | 1.484                          | 27.741                                    | 27.512                               | 800                                    | 455           | 229                  | 36.758         | -                       | 818                              | 9.955,643      |                         | 150,000         | 27,08%         |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         |                                                                                                                                                  |
| a    | Lĩnh vực Giao thông                                                                                                                                          |                   |                  |                                                                                                   | 50.840                  | 44.505    | 1.335                          | 23.942                                    | 23.713                               | 800                                    | 306           | 229                  | 22.728         | -                       | 818                              | 4.855,834      |                         | 150,000         | 21,36%         |                                                                                                                                                                                                                                                                      | -                                                                                       |                                                                                                                                                  |
| *    | Dự án hoàn thành trước 31/12/2023                                                                                                                            |                   |                  |                                                                                                   |                         | -         | -                              | -                                         |                                      |                                        |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                 |                |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         |                                                                                                                                                  |
| 1    | BTXM tuyến đường thôn Bàn Cườm - Nà Dải, xã Bình Phúc                                                                                                        | Xã Bình Phúc      | 2022             | 3751, ngày 13/10/2021. ĐC 4267, ngày 27/12/2022                                                   | 3.492                   | 2.576     | 916                            | 2.117                                     | 2.117                                | 800                                    | 116           |                      | 110            |                         |                                  | 61,726         |                         |                 | 56,11%         | QT                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ban QLDA ĐTXĐ huyện                                                                     | Xã ĐBKk                                                                                                                                          |
| 2    | Cầu Nà Lốc xã Đồng Giáp                                                                                                                                      | Xã Đồng Giáp      | 2022             | 4725, ngày 22/12/2021. ĐC 4011, ngày 25/11/2022                                                   | 2.867                   | 2.677     | 190                            | 2.496                                     | 2.496                                |                                        | 190           |                      | 130            |                         |                                  |                |                         |                 | 0,00%          | Đang trình thẩm tra QT                                                                                                                                                                                                                                               | Ban QLDA ĐTXĐ huyện                                                                     | Xã ĐBKk                                                                                                                                          |
| *    | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                            |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                | -                                         |                                      |                                        |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                 |                |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         |                                                                                                                                                  |
| 1    | Đường Khôn Hẩu - Lũng Lưu, xã Hòa Bình                                                                                                                       | Xã Hòa Bình       | 2023             | 4150 ngày 15/12/2022; ĐC 1057 ngày 16/3/2023; ĐC 4375, ngày 15/11/2023                            | 7.410                   | 7.410     | -                              | 5.000                                     | 5.000                                |                                        |               |                      | 2.300          |                         |                                  | 1.049,534      |                         |                 | 45,63%         | Đã nghiệm thu bàn giao                                                                                                                                                                                                                                               | Ban QLDA ĐTXĐ huyện                                                                     | Xã ĐBKk                                                                                                                                          |
| 2    | Đường BTXM Khôn Hẩu - Hà Quảng, xã Hòa Bình                                                                                                                  | Xã Hòa Bình       | 2023             | 4155, ngày 15/12/2022. ĐC 987, ngày 01/3/2023; ĐC 3297, ngày 18/8/2023                            | 7.372                   | 7.372     | -                              | 5.682                                     | 5.682                                |                                        |               |                      | 1.600          |                         |                                  |                |                         |                 | 0,00%          | Thi công xong. Đang hoàn thiện hồ sơ trình kiểm tra điều kiện nghiệm thu, tuy nhiên do ảnh hưởng của trận mưa lớn ngày 30/7/2024 trên tuyến có nhiều vị trí sạt lở với khối lượng lớn. Ban QLDA đang phối hợp cùng các đơn vị liên quan tiến hành đo xác định cụ thể | Ban QLDA ĐTXĐ huyện                                                                     | Xã ĐBKk                                                                                                                                          |
| 3    | Đường BTXM Nà Váng - Nà Thảm, thôn Nà Thượng, xã Hòa Bình                                                                                                    | Xã Hòa Bình       | 2023             | 4190, ngày 16/12/2022. DT ĐC 201, ngày 25/4/2023 của xã Hòa Bình                                  | 3.451                   | 3.395     | 56                             | 2.556                                     | 2.500                                |                                        |               | 56                   | 800            |                         |                                  | 390,000        |                         |                 | 48,75%         | Thi công xong                                                                                                                                                                                                                                                        | Ban QLCTMTQG xã Hòa Bình                                                                | Xã ĐBKk                                                                                                                                          |
| 4    | Đường BTXM Cồn Nà - Lũng Tầu, xã An Sơn                                                                                                                      | Xã An Sơn         | 2023             | 4184, ngày 16/12/2022. DT ĐC 250, ngày 15/6/2023 của xã An Sơn; ĐC 523, ngày 13/11/2023           | 4.520                   | 4.346     | 173                            | 3.091                                     | 2.918                                |                                        |               | 173                  | 1.350          |                         |                                  | 757,629        |                         |                 | 56,12%         | Thi công xong                                                                                                                                                                                                                                                        | Ban QLCTMTQG xã An Sơn                                                                  | Xã ĐBKk                                                                                                                                          |
| 5    | Đường BTXM Nà Tén - Nà Pải, xã An Sơn                                                                                                                        | Xã An Sơn         | 2023             | 4151, ngày 15/12/2022. ĐC 1056, ngày 16/3/2023; ĐC 3880, ngày 12/10/2023                          | 4.112                   | 4.112     | -                              | 3.000                                     | 3.000                                |                                        |               |                      | 1.000          |                         |                                  | 421,460        |                         |                 | 42,15%         | Đã thi công xong đang hoàn thiện hồ sơ để trình kiểm tra công tác nghiệm thu                                                                                                                                                                                         | Ban QLDA ĐTXĐ huyện                                                                     | Xã ĐBKk                                                                                                                                          |
| *    | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                                       |                   |                  |                                                                                                   | 17.616                  | 12.616    | -                              | -                                         | -                                    | -                                      | -             | -                    | 15.438         | -                       |                                  | 2.175,485      |                         | 150,000         |                |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                                                                                    |
| 1    | Đường BTXM Bàn Pàng - Lũng Hà, xã An Sơn                                                                                                                     | Xã An Sơn         | 2024             | 5457, QĐ-UBND ngày 30/12/2023; ĐC 381/QĐ-UBND ngày 30/01/2024; ĐC KHV 1075/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 | 5.458                   | 5.458     | -                              | -                                         | -                                    |                                        |               |                      | 5.458          |                         |                                  | 1.236,340      |                         |                 | 22,65%         | Đang thi công nền đường                                                                                                                                                                                                                                              | Ban QLDA ĐTXĐ huyện                                                                     | Xã ĐBKk                                                                                                                                          |
| 2    | Mở rộng nền đường, nâng cấp mặt đường BTXM Sáo Thổng, thôn Bàn Mủ, xã Tú Xuyên huyện Văn Quan                                                                | Xã Tú Xuyên       | 2024             | 5455/QĐ-UBND ngày 30/12/2023; ĐC 425/QĐ-UBND ngày 06/02/2024; ĐC KHV 1075/QĐ-UBND ngày 11/4/2024  | 4.339                   | 4.339     |                                | -                                         | -                                    |                                        |               |                      | 4.146          |                         |                                  | 142,263        |                         |                 | 3,43%          | Đang phát quang tuyến                                                                                                                                                                                                                                                | Ban QLDA ĐTXĐ huyện                                                                     | Thôn ĐBKk.                                                                                                                                       |
| 3    | Cầu Pò Cuối, đường Phưởng Lầy, xã Trấn Ninh                                                                                                                  | Xã Trấn Ninh      | 2024             | 5223/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; ĐC 548/QĐ-UBND ngày 26/02/2024                                      | 2.819                   | 2.819     |                                | -                                         | -                                    |                                        |               |                      | 2.634          |                         |                                  | 796,882        |                         |                 | 30,25%         | Đang thi công mở cầu                                                                                                                                                                                                                                                 | Ban QLDA ĐTXĐ huyện                                                                     | Xã ĐBKk.                                                                                                                                         |
| 4    | Đường Nà Váng - Nà Mẩn, xã Hòa Bình, huyện Văn Quan                                                                                                          | Xã Hoà Bình       | 2024             | BS danh mục KCM QĐ 2523/QĐ-UBND ngày 05/9/2024                                                    | 5.000                   |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      | 3.200          |                         |                                  |                |                         |                 | 0,00%          |                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ban QLDA ĐTXĐ huyện                                                                     | BS dự QĐ 2523/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 (Kết luận số 871-KL/HU ngày 16/8/2024 của Thường trực Huyện ủy Văn Quan tại kỳ họp giao ban ngày 15/8/2024) |
| 5    | Ngân sách huyện hỗ trợ đầu tư xã nông thôn mới thực hiện Chương trình MTOQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 theo cơ chế đặc thù, Đề án 162 (05 Dự án)        |                   |                  |                                                                                                   |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |               |                      |                |                         | 818                              |                | 150,000                 |                 |                | Ban QLCTMTQG các xã                                                                                                                                                                                                                                                  | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11. Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |                                                                                                                                                  |
| b    | Lĩnh vực Thủy lợi                                                                                                                                            |                   |                  |                                                                                                   | 2.744                   | 2.744     | -                              | -                                         | -                                    | -                                      | -             | -                    | 2.519          | -                       | -                                | 767,122        |                         |                 |                |                                                                                                                                                                                                                                                                      | -                                                                                       | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                                                                                    |
|      | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                                       |                   |                  |                                                                                                   | 2.744                   | 2.744     | -                              | -                                         | -                                    | -                                      | -             | -                    | 2.519          | -                       | -                                | 767,122        |                         |                 |                |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                         | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                                                                                    |

| TT   | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                    | Địa điểm xây dựng           | Thời gian KC-HT | QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ (LẦN ĐẦU, ĐIỀU CHỈNH LẦN CUỐI, QUYẾT TOÀN)                                         |                         |           | Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021 - 2023 |                                           |                                      |                                        |               | Kế hoạch năm 2024    |                |                         | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 |                |                         | Tỷ lệ giải ngân                                                                                                                          | Tiến độ                   | Chủ đầu tư                                                                             | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|---------------|----------------------|----------------|-------------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|      |                                                                                                                                               |                             |                 | Số QĐ, ngày tháng, năm                                                                               | Tổng mức đầu tư dự kiến | Trong đó: |                                           | Tổng số (tất cả nguồn vốn) đến 31/12/2023 | Trong đó                             |                                        | Huy động khác | Trong đó:            |                |                         | Trong đó:                        |                |                         |                                                                                                                                          |                           |                                                                                        |         |
|      |                                                                                                                                               |                             |                 |                                                                                                      |                         | Vốn NSTW  | NST, NSH và các nguồn vốn khác            |                                           | Ngân sách Trung ương giao 31/12/2023 | Nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương |               | Ngân sách trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện đối ứng | Ngân sách trung ương             | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện đối ứng |                                                                                                                                          |                           |                                                                                        |         |
| 1    | Mương Pác Tấu, Bản Noóc, xã An Sơn                                                                                                            | Xã An Sơn                   | 2024            | 5224/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; ĐC QĐ 697/QĐ-UBND ngày 06/03/2024; ĐC KHV 1075/QĐ-UBND ngày 11/4/2024  | 963                     | 963       |                                           | -                                         | -                                    |                                        |               | 937                  |                |                         | 292,365                          |                | 31,20%                  | Đang thi công mương                                                                                                                      | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК                                                                                |         |
| 2    | Mương thủy lợi Bản Téng, Pá Hà, xã Lương Năng                                                                                                 | Xã Lương Năng               | 2024            | 5469/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023; ĐC QĐ1042/QĐ-UBND ngày 01/04/2024; ĐC KHV 1075/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 | 1.781                   | 1.781     |                                           | -                                         | -                                    |                                        |               | 1.582                |                |                         | 474,757                          |                | 30,01%                  | Đang thi công mương                                                                                                                      | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК                                                                                |         |
| c    | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                  |                             |                 |                                                                                                      | 15.767                  | 15.618    | 149                                       | 3.799                                     | 3.799                                | -                                      | 149           | -                    | 10.457         | -                       | -                                | 3.818,067      |                         |                                                                                                                                          |                           | -                                                                                      |         |
| *    | Dự án hoàn thành trước 31/12/2023                                                                                                             |                             |                 |                                                                                                      |                         |           |                                           |                                           |                                      |                                        |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                                                                                                                                          |                           |                                                                                        |         |
| 1    | Cải tạo phòng học điểm trường TH & THCS xã Liên Hội                                                                                           | Việt Yên, xã Liên Hội       | 2022            | 3551, ngày 6/10/2021; ĐC 2279 ngày 12/7/2022; QT 4439, ngày 31/12/2022                               | 2.136                   | 1.987     | 149                                       | 1.799                                     | 1.799                                |                                        | 149           |                      | 188            |                         |                                  |                | 0,00%                   | QT                                                                                                                                       | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК, xã đăng ký XD NTM 2021-2025, xã sắp nhập 03 xã                                |         |
| *    | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                             |                             |                 |                                                                                                      |                         | -         | -                                         | -                                         |                                      |                                        |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                                                                                                                                          |                           |                                                                                        |         |
| 1    | Nhà đa năng Trường Tiểu học và THCS Khánh Khê                                                                                                 | Xã Khánh Khê                | 2023            | 4186, ngày 16/12/2022; ĐC 1060, ngày 17/3/2023                                                       | 3.796                   | 3.796     | -                                         | 2.000                                     | 2.000                                |                                        |               | 1.700                |                |                         | 1.084,433                        |                | 63,79%                  | Thi công xong. Đang đón đốc nhà thầu cung cấp hồ sơ quản lý chất lượng để trình kiểm tra điều kiện nghiệm thu                            | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК                                                                                |         |
| *    | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                        |                             |                 |                                                                                                      | 9.835                   | 9.835     | -                                         | -                                         | -                                    | -                                      | -             | 8.569                | -              | -                       | 2.733,634                        |                | -                       |                                                                                                                                          |                           | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                          |         |
| 1    | Xây mới phòng hành chính và các phòng chức năng Trường Mầm non Lương Năng                                                                     | Xã Lương Năng               | 2024            | 5226/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; ĐC 667/QĐ-UBND ngày 04/03/2024; ĐC KHV 1075/QĐ-UBND ngày 11/4/2024    | 9.835                   | 9.835     | -                                         | -                                         | -                                    |                                        |               | 8.569                |                |                         | 2.733,634                        |                | 31,90%                  | Đã lựa chọn xong nhà thầu. Ngày 02/8/2024 sở TNMT thực hiện kiểm tra nghiệm thu trích đo, đang hoàn thiện thủ tục ký nghiệm thu trích đo | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК                                                                                |         |
| d    | Lĩnh vực Y tế                                                                                                                                 |                             |                 |                                                                                                      | 1.054                   | 1.054     | -                                         | -                                         | -                                    | -                                      | -             | 1.054                | -              | -                       | 514,620                          |                | -                       |                                                                                                                                          |                           |                                                                                        |         |
| *    | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                        |                             |                 |                                                                                                      | 1.054                   | 1.054     | -                                         | -                                         | -                                    | -                                      | -             | 1.054                | -              | -                       | 514,620                          |                | -                       |                                                                                                                                          |                           | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                          |         |
| 1    | Trạm Y tế xã Hòa Bình                                                                                                                         | Xã Hòa Bình                 | 2025            | 5227/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; ĐC 460/QĐ-UBND ngày 22/02/2024; ĐC KHV 1075/QĐ-UBND ngày 11/4/2024    | 1.054                   | 1.054     | -                                         | -                                         | -                                    |                                        |               | 1.054                |                |                         | 514,620                          |                | 48,83%                  | Đang thi công xây tường                                                                                                                  | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК                                                                                |         |
| II.2 | Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.                                   |                             |                 |                                                                                                      | 9.677                   | 4.800     | 4.877                                     | -                                         | -                                    | -                                      | -             | 1.600                | -              | -                       | 1.471,519                        |                | -                       |                                                                                                                                          |                           |                                                                                        |         |
|      | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                        |                             |                 |                                                                                                      | 9.677                   | 4.800     | 4.877                                     | -                                         | -                                    | -                                      | -             | 1.600                | -              | -                       | 1.471,519                        |                | -                       |                                                                                                                                          |                           | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                          |         |
| 1    | Xây dựng Chợ Lương Năng                                                                                                                       | Xã Lương Năng               | 2024            | 5228/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; ĐC QĐ 704/QĐ-UBND ngày 08/03/2024; ĐC KHV 1075/QĐ-UBND ngày 11/4/2024  | 4.931                   | 4.000     | 931                                       | -                                         | -                                    |                                        |               | 800                  |                |                         | 676,349                          |                | 84,54%                  | Đã lựa chọn xong nhà thầu. Chuẩn bị khởi công                                                                                            | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК (Định mức giao vốn tại Quyết định số 04/QĐ-TTg, định mức 4.000tr/chợ mới)      |         |
| 2    | Cải tạo, nâng cấp Chợ Tri Lễ                                                                                                                  | Xã Tri Lễ                   | 2024            | 5229/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; ĐC QĐ 671/QĐ-UBND ngày 04/03/2024                                     | 4.747                   | 800       | 3.947                                     | -                                         | -                                    |                                        |               | 800                  |                |                         | 795,170                          |                | 99,40%                  | Đang thi công tường rào, sân chợ, nhà vệ sinh chợ                                                                                        | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК (Định mức giao vốn tại Quyết định số 04/QĐ-TTg, định mức 800tr/chợ CT,NC)      |         |
| III  | Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực                                                                       |                             |                 |                                                                                                      | 35.225                  | 32.744    | 2.481                                     | 15.776                                    | 13.295                               | -                                      | 2.481         | -                    | 9.458          | -                       | 1.232                            | 9.457,871      | 1.122,600               | 100,00%                                                                                                                                  |                           |                                                                                        |         |
| *    | Dự án hoàn thành trước 31/12/2023                                                                                                             |                             |                 |                                                                                                      |                         |           |                                           |                                           |                                      |                                        |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                                                                                                                                          |                           |                                                                                        |         |
| 1    | Xây dựng 04 phòng bộ môn Trường PTDTBT TH&THCS xã Liên Hội                                                                                    | Xã Liên Hội                 | 2022            | 4540, ngày 07/12/2021; ĐC 2707 ngày 18/8/2022; QT 4385, ngày 30/12/2022                              | 4.032                   | 3.709     | 323                                       | 3.823                                     | 3.500                                |                                        | 323           | 209                  |                |                         | 208,871                          |                | 99,94%                  | QT                                                                                                                                       | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК                                                                                |         |
| 2    | Cải tạo khu hành chính, xây dựng phòng học và các phòng bộ môn Trường PTDT bán trú Tiểu học 2 xã Tri Lễ                                       | Xã Tri Lễ                   | 2022            | 4950, ngày 30/12/2021; ĐC 4196 ngày 16/12/2022                                                       | 8.787                   | 8.447     | 340                                       | 6.065                                     | 5.725                                |                                        | 340           | 1.268                |                | 1.232                   | 1.268,000                        | 1.122,600      | 100,00%                 | QT                                                                                                                                       | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |         |
| *    | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                             |                             |                 |                                                                                                      |                         | -         | -                                         | -                                         |                                      |                                        |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                                                                                                                                          |                           |                                                                                        |         |
| 1    | Xây dựng nhà hành chính, phòng bộ môn Trường PTDTBT Tiểu học Tri Lễ                                                                           | Xã Tri Lễ                   | 2023            | 4160, ngày 15/12/2022; ĐC 1063 ngày 17/03/2023                                                       | 5.604                   | 5.288     | 316                                       | 1.316                                     | 1.000                                |                                        | 316           | 2.800                |                |                         | 2.800,000                        |                | 100,00%                 | QT                                                                                                                                       | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК                                                                                |         |
| 2    | Xây dựng nhà hành chính, phòng bộ môn trường PTDTBT Tiểu học Đồng Giáp                                                                        | Xã Đồng Giáp                | 2023            | 4158, ngày 15/12/2022; ĐC 1244 ngày 28/03/2023                                                       | 6.925                   | 6.423     | 502                                       | 2.072                                     | 1.570                                |                                        | 502           | 2.500                |                |                         | 2.500,000                        |                | 100,00%                 | Thi công xong                                                                                                                            | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК                                                                                |         |
| 3    | Xây dựng Nhà hành chính, phòng bộ môn trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Hòa Bình                                                           | Xã Hòa Bình                 | 2023            | 4195, ngày 16/12/2022; ĐC 1172, ngày 22/3/2023; ĐC QĐ 4810/QĐ-UBND ngày 14/12/2023                   | 9.877                   | 8.877     | 1.000                                     | 2.500                                     | 1.500                                |                                        | 1.000         | 2.681                |                |                         | 2.681,000                        |                | 100,00%                 | Đang trình kiểm tra điều kiện nghiệm thu                                                                                                 | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК                                                                                |         |
| IV   | Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch                           |                             |                 |                                                                                                      | 300                     | 300       | -                                         | -                                         | -                                    | -                                      | -             | 151                  | -              | -                       | -                                |                |                         |                                                                                                                                          |                           |                                                                                        |         |
| *    | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                        |                             |                 |                                                                                                      | -                       | -         | -                                         | -                                         | -                                    | -                                      | -             |                      |                |                         |                                  |                |                         |                                                                                                                                          |                           | Giao xã thực hiện theo cơ chế đặc thù                                                  |         |
| 1    | Nâng cấp NVH thôn Phù Huệ, xã Trấn Ninh                                                                                                       | Xã Trấn Ninh                | 2024            |                                                                                                      | 140                     | 140       | -                                         | -                                         | -                                    |                                        |               | 70                   |                |                         |                                  |                | 0,00%                   | Đang thực hiện                                                                                                                           | Ban QLCTMTQG xã Trấn Ninh | Xã ĐBKК (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        |         |
| 2    | Nhà văn hóa thôn Khau Ngùa                                                                                                                    | Xã Trấn Ninh                | 2024            |                                                                                                      | 160                     | 160       | -                                         | -                                         | -                                    |                                        |               | 81                   |                |                         |                                  |                | 0,00%                   | Đang thực hiện                                                                                                                           | Ban QLCTMTQG xã Trấn Ninh | Xã ĐBKК (Trong KH NTM của tỉnh).                                                       |         |
| B    | CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÀM NGHÈO BỀN VỮNG                                                                                                         |                             |                 |                                                                                                      | 266.922                 | 222.672   | 43.457                                    | 117.478                                   | 106.766                              | -                                      | 10.712        | -                    | 74.143         | -                       | 2.224                            | 25.459,559     | -                       | 277,628                                                                                                                                  | 34,34%                    |                                                                                        |         |
| I    | Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo      |                             |                 |                                                                                                      | 266.922                 | 222.672   | 43.457                                    | 117.478                                   | 106.766                              | -                                      | 10.712        | -                    | 74.143         | -                       | 2.224                            | 25.459,559     | -                       | 277,628                                                                                                                                  | 34,34%                    |                                                                                        |         |
| I.1  | Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo |                             |                 |                                                                                                      | 151.364                 | 136.402   | 14.169                                    | 55.277                                    | 46.377                               | -                                      | 8.900         | -                    | 59.864         | -                       | 2.224                            | 23.229,559     | -                       | 277,628                                                                                                                                  | 38,80%                    | -                                                                                      |         |
| a    | Lĩnh vực Giao thông                                                                                                                           |                             |                 |                                                                                                      | 73.692                  | 64.230    | 8.669                                     | 28.058                                    | 24.658                               | -                                      | 3.400         | -                    | 22.760         | -                       | 1.969                            | 11.273,749     | -                       | 143,259                                                                                                                                  |                           |                                                                                        |         |
| *    | Dự án hoàn thành trước 31/12/2023                                                                                                             |                             |                 |                                                                                                      |                         |           |                                           |                                           |                                      |                                        |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                                                                                                                                          |                           |                                                                                        |         |
| 1    | Đường Lương Năng - Tri Lễ - Hữu Lễ. Hạng mục mặt đường từ Km4-Km12                                                                            | Xã Lương Năng, Tri Lễ       | 2022            | 1262 ngày 26/4/2022; ĐC 3135, ngày 13/9/2022                                                         | 13.147                  | 10.147    | 3.000                                     | 12.000                                    | 9.000                                |                                        | 3.000         | 800                  |                |                         | 714,938                          |                | 89,37%                  | QT                                                                                                                                       | Ban QLDA ĐTXD huyện       | Xã ĐBKК                                                                                |         |
| 2    | Đường từ thôn Nà Lốc ra cầu treo Tân Thanh, xã Tú Xuyên, huyện Văn Quan                                                                       | Xã Tú Xuyên -huyện Văn Quan | 2022            | 2055, ngày 23/6/2022                                                                                 | 10.610                  | 10.310    | 300                                       | 8.800                                     | 8.500                                |                                        | 300           | 1.500                |                |                         | 872,147                          |                | 58,14%                  | Đã kiểm tra điều kiện nghiệm thu                                                                                                         | Ban QLDA ĐTXD huyện       |                                                                                        |         |

| TT | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                           | Địa điểm xây dựng        | Thời gian KC-HT | QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ (LẦN ĐẦU, ĐIỀU CHỈNH LẦN CUỐI, QUYẾT TOÀN)                                                                                                                                                 |                         |           |                                | Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021 - 2023 |                                      |                                        |                 |                      | Kế hoạch năm 2024 |                         |                      | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 |                         |         | Tỷ lệ giải ngân | Tiến độ                                                                                                                                                                                                             | Chủ đầu tư          | Ghi chú                                       |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------|--------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|-----------------|----------------------|-------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------------|-------------------------|---------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                      |                          |                 | Số QĐ, ngày tháng, năm                                                                                                                                                                                       | Tổng mức đầu tư dự kiến | Trong đó: |                                | Tổng số (tất cả nguồn vốn) đến 31/12/2023 | Trong đó                             |                                        |                 | Trong đó:            |                   |                         | Trong đó:            |                                  |                         |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |
|    |                                                                                                                                                      |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              |                         | Vốn NSTW  | NST, NSH và các nguồn vốn khác |                                           | Ngân sách Trung ương giao 31/12/2023 | Nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương |                 | Ngân sách trung ương | Ngân sách tỉnh    | Ngân sách huyện đối ứng | Ngân sách trung ương | Ngân sách tỉnh                   | Ngân sách huyện đối ứng |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |
|    |                                                                                                                                                      |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              |                         |           |                                |                                           |                                      | Ngân sách tỉnh                         | Ngân sách huyện |                      |                   |                         |                      |                                  |                         |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |
| *  | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                    |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              |                         |           |                                | -                                         |                                      |                                        |                 |                      |                   |                         |                      |                                  |                         |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |
| 1  | Cầu Pác Cáp, xã Bình Phúc                                                                                                                            | Xã Bình Phúc             | 2022            | 4121, ngày 08/12/2022                                                                                                                                                                                        | 2.846                   | 2.846     | -                              | 900                                       | 900                                  |                                        |                 | -                    | 1.900             |                         |                      |                                  |                         |         | 0,00%           | Đang thực hiện thủ tục thu hồi đất                                                                                                                                                                                  | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                               |
| 2  | Mở mới nền đường Nà Thòa - Quang Bí, xã An Sơn                                                                                                       | Xã An Sơn                | 2023            | 4149, ngày 15/12/2022                                                                                                                                                                                        | 4.996                   | 4.996     | -                              | 3.000                                     | 3.000                                |                                        |                 |                      | 1.900             |                         |                      | 1.076,140                        |                         |         | 56,64%          | Đã kiểm tra điều kiện nghiệm thu                                                                                                                                                                                    | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBKk                                       |
| 3  | Đường BTXM Phấn Mầu, xã An Sơn - Kho kỹ thuật quân sự, huyện Văn Quan                                                                                | Xã An Sơn                |                 | 4787, ngày 28/12/2021                                                                                                                                                                                        | 7.506                   | 7.506     | -                              | 3.358                                     | 3.258                                |                                        | 100             |                      | 4.000             |                         |                      | 1.637,670                        |                         |         | 40,94%          | Đang thi công nền đường và mặt đường, thời tiết mưa nhiều tiến độ thi công chậm                                                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBKk                                       |
| *  | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                               |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              | 34.587                  | 28.425    | 5.369                          | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -                    | 12.660            | -                       |                      | 6.972,854                        |                         | 143,259 |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt |
| 1  | Đường Đức Thịnh, TT Văn Quan - Khôn Đơn, Bình Phúc                                                                                                   | TTVQ- Bình Phúc          | 2024            | 5248/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; DC 654/QĐ-UBND ngày 28/02/2024                                                                                                                                                | 6.872                   | 6.872     |                                | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      | 3.000             |                         |                      | 1.972,854                        |                         |         | 65,76%          | Đang xin cấp phép nổ mìn phá đá nền đường, địa phương thôn khôn đơn xã Bình Phúc đa số người dân chưa nhất trí hiến đất. Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện đang phối hợp với UBND xã để tiếp tục vận động tuyên truyền | Ban QLDA ĐTXD huyện | Đường kết nối                                 |
| 3  | Cải tạo, nâng cấp đường DH.59 Bân Giếng - Đèo Cuôm, huyện Văn Quan                                                                                   | Xã Tú Xuyên - Tri Lễ     | 2024            | 5453/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023; DC QĐ 845/QĐ-UBND ngày 18/03/20224                                                                                                                                            | 6.486                   | 6.486     |                                | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      | 5.000             |                         |                      | 5.000,000                        |                         |         | 100,00%         | Đã thi công xong                                                                                                                                                                                                    | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBKk                                       |
| 4  | Đường nối từ thôn Đồng Văn, xã Đồng Giáp - thôn Cốc Ca, xã Khánh Khê                                                                                 | Xã Khánh Khê - Đồng Giáp | 2024            | BS danh mục QĐ 1075/QĐ-UBND ngày 11/4/2024; QĐ pd BC KTKT 2324/QĐ-UBND ngày 20/8/2024                                                                                                                        | 14.807                  | 14.407    | 400                            |                                           |                                      |                                        |                 |                      | 4.000             |                         |                      |                                  |                         |         |                 | Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu                                                                                                                                                                                      | Ban QLDA ĐTXD huyện | Bổ sung danh mục thực hiện                    |
| 5  | Xây dựng cầu Bó Cha, thôn Lũng Cái, xã Tú Xuyên, huyện Văn Quan                                                                                      | Xã Tú Xuyên              | 2024            | Công văn số 1188/UBND-KT ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn, V/v đồng ý chủ trương tiếp nhận nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ Thiện Tâm để xây dựng cầu Bó Cha, thôn Lũng Cái, xã Tú Xuyên, huyện Văn Quan; | 3.660                   | 660       | 3.000                          |                                           |                                      |                                        |                 |                      | 660               |                         |                      |                                  |                         |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXD huyện | BS dm QĐ 2523/QĐ-UBND ngày 05/9/2024          |
| 6  | Ngân sách huyện hỗ trợ đầu tư xã đặc biệt khó khăn thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2024 theo cơ chế đặc thù, Đề án 162- 07 dự án |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              | 2.762                   |           | 1.969                          |                                           |                                      |                                        |                 |                      |                   |                         | 1.969                |                                  |                         | 143,259 |                 |                                                                                                                                                                                                                     | Ban QLCTMTQG các xã | #REF!                                         |
| b  | Lĩnh vực Thủy lợi                                                                                                                                    |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              | 8.550                   | 8.550     | -                              | 4.006                                     | 4.006                                | -                                      | -               | -                    | 3.800             | -                       | -                    | 1.728,539                        | -                       | -       |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |
| *  | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                    |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |                 |                      |                   |                         |                      |                                  |                         |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |
| 1  | Đập Vằng Dìn, xã Tri Lễ                                                                                                                              | Xã Tri Lễ                | 2023            | 4152, ngày 15/12/2022; DC 985, ngày 01/3/2023                                                                                                                                                                | 3.218                   | 3.218     | -                              | 2.000                                     | 2.000                                |                                        |                 |                      | 1.000             |                         |                      | 539,174                          |                         |         | 53,92%          | Thi công xong                                                                                                                                                                                                       | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBKk                                       |
| 2  | Trạm bơm Lũng Án, thôn Đèo Luông, xã Tri Lễ                                                                                                          | Xã Tri Lễ                | 2023            | 4191, ngày 16/12/2022; DC 1027, ngày 09/03/2023                                                                                                                                                              | 3.575                   | 3.575     | -                              | 2.006                                     | 2.006                                |                                        |                 |                      | 1.300             |                         |                      | 720,519                          |                         |         | 55,42%          | Thi công xong                                                                                                                                                                                                       | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBKk                                       |
| *  | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                               |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              | 1.756                   | 1.756     | -                              | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -                    | 1.500             | -                       | -                    | 468,846                          |                         |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt |
| 1  | Trạm bơm tưới Phai Nà, thôn Bán Héo, xã Trấn Ninh                                                                                                    | Xã Trấn Ninh             | 2024            | 5454/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023; DC 550/QĐ-UBND ngày 26/02/2024                                                                                                                                                | 1.756                   | 1.756     | -                              | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      | 1.500             |                         |                      | 468,846                          |                         |         | 31,26%          | Đang thi công đổ bê tông lót và lắp đặt đường ống                                                                                                                                                                   | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBKk                                       |
| c  | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                         |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              | 47.648                  | 42.348    | 5.300                          | 19.513                                    | 14.213                               | -                                      | 5.300           | -                    | 19.590            | -                       | 255                  | 8.049,087                        | -                       | 134,369 |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |
| *  | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                    |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              |                         | -         | -                              | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      |                   |                         |                      |                                  |                         |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |
| 1  | Xây dựng nhà hành chính Trường Mầm non 2 Tri Lễ                                                                                                      | Xã Tri Lễ                | 2023            | 4161, ngày 15/12/2022; DC 1037, ngày 10/03/2023                                                                                                                                                              | 3.885                   | 3.885     | -                              | 3.388                                     | 3.388                                |                                        |                 |                      | 450               |                         |                      | 82,874                           |                         |         | 18,42%          | Đã nghiệm thu bàn giao                                                                                                                                                                                              | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBKk                                       |
| 2  | Nhà hành chính, phòng chức năng Trường Mầm non Đồng Giáp                                                                                             | Xã Đồng Giáp             | 2023            | 4187, ngày 16/12/2022; DC 1518, ngày 20/4/2023; giám KHV do Dự án chấm dứt thực hiện theo Công văn số 55/UBND-BQLDA ngày 15/3/2024 của UBND huyện Văn Quan                                                   | 5.262                   | 5.262     | -                              | 2.300                                     | 2.300                                |                                        |                 |                      | 2.040             |                         |                      |                                  |                         |         | 0,00%           | Không thực hiện                                                                                                                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXD huyện | giám KHV QĐ 2523/QĐ-UBND ngày 05/9/2024       |
| 3  | Xây dựng các phòng bộ môn Trường Tiểu học 2 thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan                                                                        | TTVQ                     |                 | 4159, ngày 15/12/2022                                                                                                                                                                                        | 5.117                   | 2.617     | 2.500                          | 4.500                                     | 2.000                                |                                        | 2.500           |                      | 500               |                         |                      | 235,940                          |                         |         | 47,19%          | Đã nghiệm thu bàn giao                                                                                                                                                                                              | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                               |
| 4  | Xây dựng phòng học và các phòng bộ môn Trường Trung học cơ sở thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan                                                      | TTVQ                     |                 | 4189, ngày 16/12/2022                                                                                                                                                                                        | 6.548                   | 4.048     | 2.500                          | 5.525                                     | 3.025                                |                                        | 2.500           |                      | 850               |                         |                      | 180,044                          |                         |         | 21,18%          | Thi công xong. Đang trình kiểm tra nghiệm thu phòng cháy chữa cháy                                                                                                                                                  | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                               |
| 5  | Cải tạo, nâng cấp phòng học và phòng chức năng Trường mầm non 1 Diêm He, xã Diêm He, huyện Văn Quan                                                  | Xã Diêm He               |                 | 2393/QĐ-UBND ngày 21/6/2023; DC QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 24/1/2024                                                                                                                                             | 6.305                   | 6.005     | 300                            | 3.800                                     | 3.500                                |                                        | 300             |                      | 2.250             |                         | 255                  | 1.895,514                        |                         | 134,369 | 84,25%          | Thi công xong                                                                                                                                                                                                       | Ban QLDA ĐTXD huyện | #REF!                                         |
| *  | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                               |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              | 20.532                  | 20.532    | -                              | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -                    | 13.500            | -                       | -                    | 5.654,715                        |                         |         | 41,89%          |                                                                                                                                                                                                                     |                     | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt |
| 1  | Nâng cấp phòng học mầm non tại Phân trường Hà Quảng Hòa Bình                                                                                         | Xã Hòa Bình              | 2024            | 5232/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; DC 458/QĐ-UBND ngày 21/02/2024                                                                                                                                                | 2.849                   | 2.849     | -                              | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      | 1.500             |                         |                      | 860,447                          |                         |         | 57,36%          | Đang thi công hoàn thiện                                                                                                                                                                                            | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBKk                                       |
| 2  | Xây dựng nhà hành chính, phòng học trường Mầm non 2 An Sơn                                                                                           | Xã An Sơn                | 2024            | 5233/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; DC 549/QĐ-UBND ngày 26/02/2024                                                                                                                                                | 5.789                   | 5.789     | -                              | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      | 3.500             |                         |                      | 1.491,267                        |                         |         | 42,61%          | Đang thi công móng                                                                                                                                                                                                  | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBKk                                       |
| 3  | Xây dựng phòng hành chính, phòng học, phòng bộ môn, khối phụ trợ Trường PTDTBT THCS Hữu Lễ                                                           | Xã Hữu Lễ                | 2024            | 5234/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; DC QĐ 799/QĐ-UBND ngày 13/03/2024                                                                                                                                             | 4.429                   | 4.429     | -                              | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      | 3.500             |                         |                      | 1.106,813                        |                         |         | 31,62%          | Đang thi công tầng 1                                                                                                                                                                                                | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                               |
| 4  | Xây dựng phòng bộ môn và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Bân trú Hữu Lễ                                                                             | Xã Hữu Lễ                | 2024            | 5235/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; DC QĐ 703/QĐ-UBND ngày 08/03/2024                                                                                                                                             | 7.465                   | 7.465     | -                              | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      | 5.000             |                         |                      | 2.196,188                        |                         |         | 43,92%          | Đang chờ thanh lý tài sản để thi công phá dỡ                                                                                                                                                                        | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                               |
| d  | Lĩnh vực Văn hóa xã hội                                                                                                                              |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              | 17.623                  | 17.423    | 200                            | 3.700                                     | 3.500                                | -                                      | 200             | -                    | 10.714            | -                       | -                    | 1.095,903                        | -                       |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |
| *  | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                    |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              |                         | -         | -                              | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      |                   |                         |                      |                                  |                         |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |
| 1  | Nhà văn hóa xã Diêm He                                                                                                                               | Xã Diêm He               | 2024            | 2150, ngày 26/5/2023                                                                                                                                                                                         | 4.206                   | 4.006     | 200                            | 3.700                                     | 3.500                                |                                        | 200             |                      | 400               |                         |                      |                                  |                         |         | 0,00%           | Đã kiểm tra điều kiện nghiệm thu                                                                                                                                                                                    | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                               |
| *  | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                               |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              | 13.417                  | 13.417    | -                              | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -                    | 10.314            | -                       |                      | 1.095,903                        |                         |         |                 |                                                                                                                                                                                                                     |                     | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt |
| 1  | Nhà văn hóa xã Thị trấn                                                                                                                              | TTVQ                     | 2024            | 4185, ngày 16/12/2022                                                                                                                                                                                        | 9.700                   | 9.700     | -                              | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      | 6.814             |                         |                      |                                  |                         |         | 0,00%           | Chưa phê họp quy hoạch chi tiết                                                                                                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXD huyện | Chưa có NVH                                   |
| 2  | Nhà văn hóa xã Hòa Bình                                                                                                                              | Xã Hòa Bình              | 2024            | 5236/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; DC QĐ số 798/QĐ-UBND ngày 13/03/2024                                                                                                                                          | 3.717                   | 3.717     | -                              | -                                         | -                                    |                                        |                 |                      | 3.500             |                         |                      | 1.095,903                        |                         |         | 31,31%          | Đang thi công móng                                                                                                                                                                                                  | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBKk                                       |
| e  | Lĩnh vực Y tế                                                                                                                                        |                          |                 |                                                                                                                                                                                                              | 3.851                   | 3.851     | -                              | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -                    | 3.000             | -                       | -                    | 1.082,281                        |                         |         | 36,08%          |                                                                                                                                                                                                                     |                     |                                               |

| TT  | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                                    | Địa điểm xây dựng           | Thời gian KC-HT | QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ (LẦN ĐẦU, ĐIỀU CHỈNH LẦN CUỐI, QUYẾT TOÀN)                                                                          |                         |           |                                | Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021 - 2023 |                                      |                                        |                 | Kế hoạch năm 2024 |                      |                | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 |                      |                | Tỷ lệ giải ngân | Tiến độ | Chủ đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ghi chú             |                                                                                                                   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------|--------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|-----------------|-------------------|----------------------|----------------|----------------------------------|----------------------|----------------|-----------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                               |                             |                 | Số QĐ, ngày tháng, năm                                                                                                                | Tổng mức đầu tư dự kiến | Trong đó: |                                | Tổng số (tất cả nguồn vốn) đến 31/12/2023 | Trong đó                             |                                        |                 | Trong đó:         |                      |                | Trong đó:                        |                      |                |                 |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                   |
|     |                                                                                                                                                               |                             |                 |                                                                                                                                       |                         | Vốn NSTW  | NST, NSH và các nguồn vốn khác |                                           | Ngân sách Trung ương giao 31/12/2023 | Nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương |                 | Huy động khác     | Ngân sách trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện đối ứng          | Ngân sách trung ương | Ngân sách tỉnh |                 |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     | Ngân sách huyện đối ứng                                                                                           |
|     |                                                                                                                                                               |                             |                 |                                                                                                                                       |                         |           |                                |                                           |                                      | Ngân sách tỉnh                         | Ngân sách huyện |                   |                      |                |                                  |                      |                |                 |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                   |
| *   | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                                        |                             |                 |                                                                                                                                       | -                       | -         | -                              |                                           |                                      |                                        |                 |                   |                      |                |                                  |                      |                |                 |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                   |
| 1   | Trạm Y tế xã Tri Lễ                                                                                                                                           | Xã Tri Lễ                   | 2024            | 5237/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; DC 547/QĐ-UBND ngày 26/02/20224                                                                        | 3.851                   | 3.851     | -                              | -                                         | -                                    |                                        |                 |                   | 3.000                |                |                                  | 1.082,281            |                |                 | 36,08%  | Đã lựa chọn xong nhà thầu từ tháng 5/2024. Tuy nhiên hiện tại đang vướng mắc nên chưa khởi công được. Cụ thể: do đợi các thủ tục thanh lý tài sản của trạm y tế xã và thủ tục di dời 01 nhà dân nằm trên đất nhà trạm (Theo Thông báo số 364/TB-UBND ngày 19/10/2023, Thông báo Kết luận của đồng chí Lương Mai Tú - Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp thông qua phương án các dự án đầu tư xây dựng năm 2024 trên địa bàn huyện Văn Quan (đợt 2 ngày 09/10/2023; đợt 3 ngày 10/10/2023 và đợt 4 ngày 12/10/2023 ; UBND huyện đã giao UBND xã Tri Lễ phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường khẩn trương thực hiện các thủ tục yêu cầu hộ gia đình di chuyển (nhà cửa hàng thương mại cũ) hiện nay đang ở trên đất của Trạm Y tế xã, hoàn trả lại đất cho Trạm Y tế xã Tri Lễ | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã ĐBK                                                                                                            |
| 1.2 | Tiểu Dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 -2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt |                             |                 |                                                                                                                                       | 115.558                 | 86.270    | 29.288                         | 62.201                                    | 60.389                               | -                                      | 1.812           | -                 | 14.279               | -              | -                                | 2.230,000            | -              |                 | 15,62%  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     | Danh mục theo Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 15/10/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn                                      |
| *   | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                             |                             |                 |                                                                                                                                       |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |                 |                   |                      |                |                                  |                      |                |                 |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                   |
| 1   | Cầu Pác Láng, xã Diêm He                                                                                                                                      | xã Diêm He                  | 2023-2025       | 2318/QĐ-UBND, ngày 08/6/2023; 248/QĐ-BQLDA ngày 07/9/2023                                                                             | 20.935                  | 20.000    | 935                            | 17.789                                    | 17.389                               |                                        |                 | 400               | 1.500                |                |                                  |                      |                |                 | 0,00%   | Đang chuẩn bị công tác lao lắp dầm. Hiện dự án đã chỉ trả được phần cây cối hoa màu trên đất cho 12/15 hộ. Còn phần kiến trúc hiện tại TPTQĐ đang lên phương án để trình hội đồng GPMB huyện phê duyệt và tiếp tục vận động người dân nhận tiền đền bù để hiến đất làm đường. Hiện tại trên tuyến còn 2 hộ gia đình không đồng ý hiến đất (hộ ông Hoàng Sỹ Hưng và mẹ của hộ Lý Văn Hình là bà Sơn) yêu cầu phải bồi thường về đất mới cho thi công. Các hộ có vật kiến trúc trên đất đang chờ có phương án hỗ trợ bồi thường để xem xét đơn giải bồi thường và nhận hỗ trợ                                                                                                                                                                                                  | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                                                   |
| 2   | Xây dựng các tuyến nhánh từ cầu Đức Hình - QL.279                                                                                                             | TTVQ                        | 2023-2025       | QĐ phê duyệt Báo cáo NCKT số 4179/QĐ-UBND ngày 30/10/2023                                                                             | 49.976                  | 33.327    | 16.649                         | 23.512                                    | 23.000                               |                                        |                 | 512               | 2.279                |                |                                  | 2.230,000            |                |                 | 97,85%  | Công tác lựa chọn nhà thầu: đã lựa chọn xong nhà thầu. Hàng mục cầu đang thi công đúc dầm, Hiện tại đã được nghiệm thu công tác trích đo, đang hoàn thiện hồ sơ trình sở TNMT ký nghiệm thu và thực hiện các công tác tiếp theo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                                                   |
| 3   | Xây dựng cầu + đường bê tông xi măng Tân Thanh 2 - Thanh Xuân, thị trấn Văn Quan                                                                              | TTVQ                        | 2023-2025       | 3146/QĐ-UBND ngày 8/8/2023; DC QĐ 1863/QĐ-UBND ngày 24/6/2024                                                                         | 14.873                  | 11.953    | 2.920                          | 10.300                                    | 10.000                               |                                        |                 | 300               | 1.000                |                |                                  |                      |                |                 | 0,00%   | Đây là Dự án Nhân dân hiến đất, chỉ hỗ trợ về cây cối, hoa màu. Chủ đầu tư (Ban QLDA huyện) đã phối hợp cùng Trung tâm PTQĐ thực hiện kiểm đếm tuy nhiên còn một số hộ do vướng mắc mặt bằng do yêu cầu điều chỉnh tuyến qua mộ, qua các phần đất bị ảnh hưởng nên chưa thực hiện kiểm đếm được. Công trình hiện đã phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hiện đang thực hiện điều chỉnh trích đo để tiến hành kiểm đếm tiếp các hộ còn lại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                                                   |
| 4   | Nâng cấp cải tạo đường ĐH.58 (Ba Xã - Chợ Bãi)                                                                                                                | Xã Yên Phúc - Xã Tráng Phải | 2023-2025       | 2957/QĐ-UBND ngày 20/7/2023                                                                                                           | 14.773                  | 10.990    | 3.783                          | 10.300                                    | 10.000                               |                                        |                 | 300               | 500                  |                |                                  |                      |                |                 | 0,00%   | Ban QLDA ĐTXD đã phối hợp Trung tâm PTQĐ tổ chức kiểm đếm đoạn tuyến số 02 tại xã Tráng Phải lên phương án bồi thường và đã tạm ứng của nhà thầu thi công tiến hành chi trả số tiền là 275.624.880 đồng cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng. Tại đoạn tuyến số 01 qua địa bàn xã Yên Phúc, Bình Phúc hiện tại đã ra thông báo thu hồi đất và kiểm đếm xong, hiện đang được phòng TNMT làm giá đất cụ thể, xong sẽ chuyển cho TPTQĐ áp giá đền bù và niêm yết thực hiện chi trả tiền cho các hộ dân                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ban QLDA ĐTXD huyện |                                                                                                                   |
| *   | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                                        |                             |                 |                                                                                                                                       | 15.000                  | 10.000    | 5.000                          | 300                                       | -                                    | -                                      | 300             | -                 | 9.000                | -              |                                  |                      |                |                 |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                                                     |
| 1   | Đường nối từ thôn Đồng Văn, xã Đồng Giáp - thôn Cốc Ca, xã Khánh Khê                                                                                          | Xã Khánh Khê - Đồng Giáp    | 2024            | BS danh mục QĐ 1075/QĐ-UBND ngày 11/4/2024; QĐ pđ BC KTKT 2324/QĐ-UBND ngày 20/8/2024; BS đm thực hiện QĐ 2523/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 | 14.807                  | 14.407    | 400                            |                                           |                                      |                                        |                 |                   | 9.000                |                |                                  |                      |                |                 |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     | Điều chuyển VB 1093/UBND-KGVX ngày 07/8/2024 đồng ý điều chỉnh nội dung hỗ trợ tại KH 213/KH-UBND ngày 15/10/2022 |
| C   | CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI                                                                                                                      |                             |                 |                                                                                                                                       | 91.375                  | 28.301    | 62.228                         | 34.591                                    | 19.662                               | 14.479                                 | 450             | -                 | 5.451                | 15.138         | 7.107                            | 4.591,533            | 2.295,764      | 2.603,786       | 84,23%  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | -                   |                                                                                                                   |
|     | Dự án Thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội                                                                                                   |                             |                 |                                                                                                                                       |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |                 |                   |                      |                |                                  |                      |                |                 |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                   |
| I   | Danh mục vốn trung ương giao đầu giai đoạn (Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh)                                                          |                             |                 |                                                                                                                                       | 60.122                  | 28.301    | 30.975                         | 34.591                                    | 19.662                               | 14.479                                 | 450             | -                 | 5.451                | -              | 7.107                            | 4.591,533            | -              | 2.603,786       | 84,23%  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                   |
| a   | Lĩnh vực Giao thông                                                                                                                                           |                             |                 |                                                                                                                                       | 21.357                  | 8.675     | 11.836                         | 3.557                                     | 2.357                                | 1.200                                  | -               | -                 | 3.384                | -              | 4.148                            | 3.373,704            | -              | 1.258,309       | 99,70%  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | -                   |                                                                                                                   |
| *   | Dự án hoàn thành trước 31/12/2023                                                                                                                             |                             |                 |                                                                                                                                       |                         | -         | -                              | -                                         |                                      |                                        |                 |                   |                      |                |                                  |                      |                |                 |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                   |
| 1   | Đường liên thôn Bàn Lái - Nà Bung, xã Diêm He                                                                                                                 | Xã Diêm He                  | 2023            | 4073/QĐ-UBND ngày 30/11/2022                                                                                                          | 5.482                   | 2.741     | 2.741                          | 3.557                                     | 2.357                                | 1.200                                  |                 |                   | 384                  |                | 1.000                            | 384,000              |                | 1.000,000       | 100,00% | Đang trình kiểm tra điều kiện nghiệm thu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXD huyện | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024                            |
| *   | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                                        |                             |                 |                                                                                                                                       | 15.874                  | 5.934     | 9.095                          | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -                 | 3.000                | -              |                                  | 2.989,704            |                | 258,309         | 99,66%  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                                                     |
| 1   | Đường BTXM Nà Bung - Phú Phẫu, xã Diêm He                                                                                                                     | Xã Diêm He                  | 2024            | 5238/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; DC QĐ 834/QĐ-UBND ngày 14/03/2024                                                                      | 4.641                   | 2.320     | 2.320                          | -                                         | -                                    |                                        |                 |                   | 1.000                |                |                                  | 1.000,000            |                |                 | 100,00% | đang thi công xây kè đá và thi công mở mới nền đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ban QLDA ĐTXD huyện | Trong KH NTN của tỉnh                                                                                             |
| 2   | Cải tạo, nâng cấp mặt đường Nà Dài - Khôn Nhừ, xã Bình Phúc                                                                                                   | Xã Bình Phúc                | 2024            | 5452/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023; DC 457/QĐ-UBND ngày 21/02/20224                                                                        | 3.672                   | 1.829     | 1.842                          | -                                         | -                                    |                                        |                 |                   | 1.000                |                |                                  | 1.000,000            |                |                 | 100,00% | Đang thi công kè chắn đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ban QLDA ĐTXD huyện | Trong KH NTN của tỉnh                                                                                             |

| TT   | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                              | Địa điểm xây dựng | Thời gian KC-HT | QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ (LẦN ĐẦU, ĐIỀU CHỈNH LẦN CUỐI, QUYẾT TOÀN)                                            |                         |           |                                | Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021 - 2023 |                                      |                                        |                 |               | Kế hoạch năm 2024    |                |                         | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 |                |                         | Tỷ lệ giải ngân        | Tiến độ                                                                                                                                                                                                               | Chủ đầu tư                                                                             | Ghi chú                                                                                |                                                                                        |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------|--------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|-----------------|---------------|----------------------|----------------|-------------------------|----------------------------------|----------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                                                                                                         |                   |                 | Số QĐ, ngày tháng, năm                                                                                  | Tổng mức đầu tư dự kiến | Trong đó: |                                | Tổng số (tất cả nguồn vốn) đến 31/12/2023 | Trong đó                             |                                        |                 | Trong đó:     |                      |                | Trong đó:               |                                  |                |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
|      |                                                                                                                                                         |                   |                 |                                                                                                         |                         | Vốn NSTW  | NST, NSH và các nguồn vốn khác |                                           | Ngân sách Trung ương giao 31/12/2023 | Nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương |                 | Huy động khác | Ngân sách trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện đối ứng | Ngân sách trung ương             | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện đối ứng |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
|      |                                                                                                                                                         |                   |                 |                                                                                                         |                         |           |                                |                                           |                                      | Ngân sách tỉnh                         | Ngân sách huyện |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
| 3    | Đường Nà Pheo - Vãng Cáp, thôn Nà Bung - Khun Pầu, xã Diễm He                                                                                           | Xã Diễm He        | 2024            | 5420/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; ĐC QĐ 698/QĐ-UBND ngày 06/03/2024                                         | 3.567                   | 1.784     | 1.784                          | -                                         | -                                    |                                        |                 |               |                      | 1.000          |                         |                                  | 989,704        |                         |                        | 98,97%                                                                                                                                                                                                                | Công trình đang thi công hạng mục đào nền đường                                        | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Trong KH NTN của tỉnh                                                                  |
| 4    | Ngân sách huyện hỗ trợ đầu tư xã nông thôn mới thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 theo cơ chế đặc thù, Đề án 162 (05 Dự án)    | Xã Trản Ninh      |                 |                                                                                                         | 3.994                   |           | 3.148                          | -                                         |                                      |                                        |                 |               |                      |                |                         | 3.148                            |                | 258,309                 |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        | Ban QLCTMTQG các xã                                                                    | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |
| b    | Lĩnh vực Thủy lợi                                                                                                                                       |                   |                 |                                                                                                         | 9.571                   | 4.786     | 4.786                          | 4.938                                     | 2.610                                | 2.328                                  | -               | -             |                      | 1.923          | -                       | 700                              | 1.217,829      | 389,895                 |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        | -                                                                                      |                                                                                        |
| *    | Dự án hoàn thành trước 31/12/2023                                                                                                                       |                   |                 |                                                                                                         |                         | -         |                                |                                           |                                      |                                        |                 |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
| 3    | Xây dựng Trạm bơm Pò Diễm, thôn Nà Lốc, xã Tú Xuyên                                                                                                     | Xã Tú Xuyên       | 2022            | 3809/QĐ-UBND ngày 11/11/2022                                                                            | 2.890                   | 1.445     | 1.445                          | 2.136                                     | 1.125                                | 1.011                                  |                 |               |                      | 320            |                         | 300                              | 320,000        | 85,935                  | 100,00%                | Đang trình thẩm tra QT                                                                                                                                                                                                | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |                                                                                        |
| *    | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                       |                   |                 |                                                                                                         |                         | -         | -                              | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -             | -                    |                |                         |                                  |                |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       | -                                                                                      |                                                                                        |                                                                                        |
| 1    | Xây Trạm bơm Nà Nam, thôn Thanh Đông, xã Tú Xuyên                                                                                                       | Xã Tú Xuyên       | 2023            | 4192, ngày 16/12/2022; ĐC 1020, ngày 08/3/2023; ĐC QĐ 733/QĐ-UBND ngày 11/3/2024                        | 3.764                   | 1.882     | 1.882                          | 2.802                                     | 1.485                                | 1.317                                  |                 |               |                      | 397            |                         | 400                              | 145,734        | 303,960                 | 36,71%                 | Thi công xong                                                                                                                                                                                                         | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |
| *    | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                                  |                   |                 |                                                                                                         | 2.918                   | 1.459     | 1.459                          | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -             | -                    | 1.206          | -                       |                                  | 752,095        |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                          |
| 1    | Trạm bơm điện Nà Muống, thôn Nà Lũng, xã Hữu Lễ                                                                                                         | Xã Hữu Lễ         | 2024            | 5241/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; ĐC QĐ 669/QĐ-UBND ngày 04/03/2024                                        | 2.918                   | 1.459     | 1.459                          | -                                         | -                                    | -                                      |                 |               |                      | 1.206          |                         |                                  | 752,095        |                         | 62,36%                 | Hiện nay công trình vẫn chưa thể triển khai thi công thực hiện do công trình vướng mặt bằng thi công do một số hộ dân chưa đồng ý hiến đất, không giải phóng được mặt bằng thi công. UBND xã Hữu Lễ vẫn đang tiến tục | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Cung cấp tiêu chí NTM                                                                  |                                                                                        |
| c    | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                            |                   |                 |                                                                                                         | 29.193                  | 14.840    | 14.353                         | 26.096                                    | 14.695                               | 10.951                                 | 450             | -             | 144                  | -              | 2.259                   | -                                | 955,582        |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
| *    | Dự án hoàn thành trước 31/12/2023                                                                                                                       |                   |                 |                                                                                                         |                         |           |                                |                                           |                                      |                                        |                 |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
| 1    | Xây dựng 04 phòng học và các phòng chức năng Trường Tiểu học - THCS Diễm He                                                                             | Xã Diễm He        | 2022            | 1971, ngày 17/6/2022                                                                                    | 4.417                   | 2.209     | 2.209                          | 3.755                                     | 2.209                                | 1.546                                  |                 |               |                      |                |                         | 400                              |                | 400,000                 |                        | QT                                                                                                                                                                                                                    | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |
| 2    | Xây dựng phòng giáo dục thể chất - nghệ thuật, phòng tin học, phòng đa năng Trường Mầm non Yên Phúc                                                     | Xã Yên Phúc       | 2022            | 1930, ngày 07/6/2022; QT 2829, ngày 14/7/2023                                                           | 2.192                   | 1.096     | 1.096                          | 1.863                                     | 1.096                                | 767                                    |                 |               |                      |                |                         | 223                              |                | 223,000                 |                        | QT                                                                                                                                                                                                                    | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |
| 3    | Xây dựng các phòng bộ môn Trường Tiểu học Yên Phúc                                                                                                      | Xã Yên Phúc       | 2022            | 1970, ngày 17/6/2022; ĐC 3491, ngày 18/10/2022QT 3873, ngày 11/10/2023                                  | 2.383                   | 1.142     | 1.241                          | 2.142                                     | 1.142                                | 1.000                                  |                 |               |                      |                |                         | 186                              |                | 136,457                 |                        | QT                                                                                                                                                                                                                    | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |
| 4    | Xây dựng các phòng bộ môn, phòng họp, phòng nghỉ giáo viên Trường THCS Yên Phúc                                                                         | Xã Yên Phúc       | 2022            | 1969, ngày 17/6/2022                                                                                    | 5.160                   | 2.580     | 2.580                          | 4.780                                     | 2.580                                | 2.200                                  |                 |               |                      |                |                         | 300                              |                |                         |                        | Đang trình thẩm tra QT                                                                                                                                                                                                | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |
| 5    | Xây dựng 12 phòng học khối Tiểu học Trường TH&THCS xã Tân Đoàn                                                                                          | Xã Tân Đoàn       | 2022            | 3181, ngày 21/9/2021                                                                                    | 8.075                   | 4.037     | 4.037                          | 7.343                                     | 3.893                                | 3.000                                  | 450             |               | 144                  |                | 550                     |                                  | 196,125        | 0,00%                   | Đang trình thẩm tra QT | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                                                                                                                                                   | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |                                                                                        |
| 6    | Xây dựng các phòng chức năng và hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Tú Xuyên                                                                                | Xã Tú Xuyên       | 2022            | 3777, ngày 07/11/2022                                                                                   | 4.541                   | 2.500     | 2.041                          | 4.089                                     | 2.500                                | 1.589                                  |                 |               |                      |                |                         | 400                              |                |                         |                        | Đã kiểm tra điều kiện nghiệm thu                                                                                                                                                                                      | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |
| *    | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                       |                   |                 |                                                                                                         |                         |           |                                | -                                         |                                      |                                        |                 |               |                      |                |                         |                                  |                |                         |                        | -                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
| 1    | Xây dựng phòng học tập, phòng bộ môn, phòng phụ trợ Trường PTDTBT Tiểu học Nà Lốc Tú Xuyên                                                              | Xã Tú Xuyên       | 2023            | 4162, ngày 15/12/2022                                                                                   | 2.425                   | 1.276     | 1.149                          | 2.125                                     | 1.276                                | 849                                    |                 |               |                      |                |                         | 200                              |                |                         |                        | Đã kiểm tra điều kiện nghiệm thu                                                                                                                                                                                      | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 | Chi tiết đối ứng tại Biểu số 11_Vốn hỗ trợ mục tiêu cơ sở hạ tầng huyện nghèo năm 2024 |
| II   | Danh mục vốn Ngân sách tỉnh (được bổ sung theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh)                                                  |                   |                 |                                                                                                         | 31.253                  | -         | 31.253                         | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -             | -                    | 15.138         | -                       | -                                | 2.295,764      |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
| II.1 | Vốn Ngân sách tỉnh cần đối theo tiêu chí                                                                                                                |                   |                 |                                                                                                         | 13.139                  | -         | 13.139                         | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -             | -                    | 3.138          | -                       | -                                | 2.295,764      |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
| a    | Lĩnh vực Giáo thông                                                                                                                                     |                   |                 |                                                                                                         | 13.139                  | -         | 13.139                         | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -             | -                    | 3.138          | -                       | -                                | 2.295,764      |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
| *    | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                                  |                   |                 |                                                                                                         | 13.139                  | -         | 13.139                         | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -             | -                    | 3.138          | -                       | -                                | 2.295,764      |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                          |
| 1    | Đường Khun Thắm, thôn Bàn Héo, xã Trản Ninh sang Khun Loóng, thôn Quang Sơn, xã Gia Miến, huyện Văn Lãng                                                | Xã Trản Ninh      | 2024            | 5451/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023; ĐC 659/QĐ-UBND, ngày 29/02/2043                                          | 5.566                   | -         | 5.566                          | -                                         | -                                    |                                        |                 |               |                      | 2.000          |                         |                                  | 1.157,764      |                         |                        | Đang thi công nền đường                                                                                                                                                                                               | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        |
| 2    | Đường Tì Bàn - Cốc Cọt, thôn Bàn Hạ, xã Liên Hội                                                                                                        | Xã Liên Hội       | 2024            | 5456/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023; ĐC 456/QĐ-UBND, ngày 21/02/2043                                          | 7.574                   | -         | 7.574                          | -                                         | -                                    |                                        |                 |               |                      | 1.138          |                         |                                  | 1.138,000      |                         | 100,00%                | Đang thi công nền đường, vướng mặt bằng 02 hộ dân chưa đồng ý hiến đất làm đường. CĐT đang kết hợp với UBND xã vận động tuyên truyền                                                                                  | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        |
| II.2 | Vốn thu từ sử dụng đất                                                                                                                                  |                   |                 |                                                                                                         | 18.114                  | -         | 18.114                         | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -             | -                    | 12.000         | -                       | -                                | -              |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
| c    | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                            |                   |                 |                                                                                                         | 18.114                  | -         | 18.114                         | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -             | -                    | 12.000         | -                       | -                                | -              |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        |                                                                                        |
| *    | Khởi công mới năm 2024                                                                                                                                  |                   |                 |                                                                                                         | 18.114                  | -         | 18.114                         | -                                         | -                                    | -                                      | -               | -             | -                    | 12.000         | -                       | -                                | -              |                         |                        |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                        |                                                                                        | Phân bổ chi tiết sau khi dự án được phê duyệt                                          |
| 1    | Xây dựng phòng hành chính, phòng học tập, phụ trợ Trường Mầm non Trản Ninh                                                                              | Xã Trản Ninh      | 2024            | 5244/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; ĐC QĐ 1037/QĐ-UBND ngày 29/03/2024                                       | 5.741                   | -         | 5.741                          | -                                         | -                                    |                                        |                 |               |                      | 3.000          |                         |                                  |                |                         |                        | Đang thi công móng                                                                                                                                                                                                    | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        |
| 2    | Xây dựng các phòng chức năng, phòng hành chính, phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Trản Ninh                                                               | Xã Trản Ninh      | 2024            | 5245/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; ĐC QĐ 668/QĐ-UBND ngày 04/03/2024)                                       | 3.328                   | -         | 3.328                          | -                                         | -                                    |                                        |                 |               |                      | 3.000          |                         |                                  |                |                         |                        | Đang thi công móng                                                                                                                                                                                                    | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        |
| 3    | Xây dựng phòng hành chính, phụ trợ điểm trường Mầm non Nà Me và Nhà hành chính trường PTDTBT Tiểu học và THCS Liên Hội (điểm trường Nà Me), xã Liên Hội | Xã Liên Hội       | 2024            | 5246/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; ĐC QĐ 670/QĐ-UBND ngày 04/03/2024; ĐC KHV QĐ 2197/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 | 2.062                   | -         | 2.062                          | -                                         | -                                    |                                        |                 |               |                      | 2.000          |                         |                                  |                |                         |                        | Đang thi công ván khuôn, cốt thép sàn mái                                                                                                                                                                             | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        |
| 4    | Xây dựng phòng học tập, phòng bộ môn Trường Tiểu học và THCS xã Liên Hội                                                                                | Xã Liên Hội       | 2024            | QĐ 5247/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023; ĐC tăng KHV QĐ 2197/QĐ-UBND ngày 26/7/2024                            | 6.984                   | -         | 6.984                          | -                                         | -                                    |                                        |                 |               |                      | 4.000          |                         |                                  |                |                         |                        | Đang lựa chọn nhà thầu và thực hiện thi tục thu hồi đất                                                                                                                                                               | Ban QLDA ĐTXD huyện                                                                    | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        | Xã DBKK (Trong KH NTM của tỉnh)                                                        |

BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN VỐN TĂNG THU TIẾT KIỆM CHI 2023 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2024  
 BỔ SUNG CHO CÁC DỰ ÁN CỦA HUYỆN TRONG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện Văn Quan)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án                                                                                                                     | Địa điểm xây dựng                | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định đầu tư, điều chỉnh TMDT lần                                                                    |           | Lũy kế vốn đã bố trí đến 14/03/2024 | Kinh phí phân bổ | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 | Tỷ lệ   | Tiến độ                                                                                                        | Chủ đầu tư          | Ghi chú                                                          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------|------------------|----------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                    |                                  |                                  | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                                                                  | TMDT      |                                     |                  |                                  |         |                                                                                                                |                     |                                                                  |
|    | TỔNG CỘNG                                                                                                                          |                                  |                                  |                                                                                                           | 59.847    | 6.996                               | 3.104            | 326,865                          | 10,53%  |                                                                                                                |                     |                                                                  |
| 1  | Cải tạo, nâng cấp đường vào Trường Mầm non, Trường Tiểu học và THCS Khánh Khê, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                       | Xã Khánh Khê                     | 2023-2024                        | QĐ 4183/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; ĐC 984/QĐ-UBND ngày 01/3/2023                                            | 1.433     | 1.000                               | 470              |                                  | 0,00%   | Đang thực hiện công tác GPMB                                                                                   | Ban QLDA ĐTXD huyện | PB lần 1; ĐC giám KHV QĐ 2523/QĐ-UBND ngày 05/9/2024             |
| 2  | Mở rộng khuôn viên tượng đài Lương Văn Tri, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan                                                      | Thị trấn Văn Quan                | 2023-2025                        | TMDT dự kiến                                                                                              | 51.975    | 531                                 | 1.530            |                                  | 0,00%   | Đang lập hồ sơ mời thầu tuy nhiên chưa đủ điều kiện để tổ chức lựa chọn nhà thầu do chưa có mặt bằng thực hiện | Ban QLDA ĐTXD huyện | BS dm vốn thực hiện dự án trọng điểm của huyện (QĐ 2523/QĐ-UBND) |
| 3  | Xây dựng 04 phòng học điểm trường mầm non xã Diêm He, huyện Văn Quan                                                               | Xã Diêm He                       | 2021                             | QT 3436/QĐ-UBND ngày 11/10/2022                                                                           | 4.215,189 | 3.725,085                           | 164              | 164,000                          | 100,00% | Quyết toán                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXD huyện | PB lần 2                                                         |
| 4  | Cải tạo nhà lớp học 2 tầng, 08 phòng học điểm trường Tiểu học xã Diêm He, huyện Văn Quan                                           | Xã Diêm He                       | 2021                             | QT 304/QĐ-UBND ngày 25/01/2022                                                                            | 2.223,917 | 1.740,000                           | 158              | 158,000                          | 100,00% | Quyết toán                                                                                                     | Ban QLDA ĐTXD huyện | PB lần 2                                                         |
| 5  | Đổi ứng Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo 50 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Lạng Sơn) |                                  |                                  |                                                                                                           | 8.500     | 7.500                               | 782              | 4,865                            | 0,62%   |                                                                                                                |                     |                                                                  |
|    | Lĩnh vực: Y tế                                                                                                                     |                                  |                                  |                                                                                                           |           |                                     |                  |                                  |         |                                                                                                                |                     |                                                                  |
|    | Dự án thành phần 1: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Văn Quan                                  | TTVQ, Xã Tràng Các, xã Khánh Khê | 2022-2023                        | 591/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn; QĐ 1851/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND huyện Văn Quan | 8.500     | 7.500                               | 782              | 4,865                            | 0,62%   | Đã thi công xong                                                                                               | Ban QLDA ĐTXD huyện | PB lần 2                                                         |

**BIỂU 04 \_PHÂN BỐ CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN NGÂN SÁCH TỈNH (VỐN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI) GIAO BỔ SUNG NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 2197 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Văn Quan)

Đơn vị: triệu đồng

| TT  | Danh mục dự án, công trình                                                                               | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ (LẦN ĐẦU, ĐIỀU CHỈNH LẦN CUỐI, QUYẾT TOÁN) |                         |           |                                | Lũy kế vốn bố trí đến 30/5/2024 | Ngân sách tỉnh bổ sung (Quyết định 1008/QĐ-UBND ngày 06/6/2024) | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 | Tỷ lệ   | Chủ đầu tư          | Ghi chú                  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------|---------------------|--------------------------|
|     |                                                                                                          |                   |                   |                 | Số QĐ, ngày tháng, năm                                       | Tổng mức đầu tư dự kiến | Trong đó: |                                |                                 |                                                                 |                                  |         |                     |                          |
|     |                                                                                                          |                   |                   |                 |                                                              |                         | Vốn NSTW  | NST, NSH và các nguồn vốn khác |                                 |                                                                 |                                  |         |                     |                          |
| 1   | 2                                                                                                        | 3                 | 4                 | 5               | 6                                                            | 7                       | 8         | 9                              | 10                              | 11                                                              |                                  |         | 12                  | 13                       |
|     | TỔNG CỘNG                                                                                                |                   |                   |                 |                                                              | 29.473                  | -         | 29.473                         | 9.138                           | 6.906                                                           | 1.739,747                        | 25,19%  |                     |                          |
| *   | Khởi công mới năm 2024                                                                                   |                   |                   |                 |                                                              | 29.473                  | -         | 29.473                         | 9.138                           | 6.906                                                           | 1.739,747                        | 25,19%  |                     |                          |
| 1   | Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông: tại Km8+600, ĐH.59A, huyện Văn Quan                               |                   |                   | 2024            |                                                              | 2.000                   |           | 2.000                          |                                 | 2.000                                                           |                                  | 0,00%   | Ban QLDA ĐTXD huyện |                          |
| 2   | Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông tại Km8+100, ĐH.50, huyện Văn Quan                                 |                   |                   | 2024            |                                                              | 2.000                   |           | 2.000                          |                                 | 2.000                                                           |                                  | 0,00%   | Ban QLDA ĐTXD huyện |                          |
| 3   | Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới                                                                            |                   |                   | 2024            |                                                              | 25.473                  | -         | 25.473                         | 9.138                           | 2.906                                                           | 1.739,747                        | 59,87%  |                     |                          |
| 3.1 | Đường Khun Thắm, thôn Bán Hèo, xã Trấn Ninh sang Khun Loóng, thôn Quang Sơn, xã Gia Miễn, huyện Văn Lãng | Xã Trấn Ninh      |                   | 2024            | 5451/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023                                | 5.422                   |           | 5.422                          | 2.000                           | 500                                                             |                                  | 0,00%   | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã trong KH NTM của tỉnh |
| 3.2 | Đường Tì Bàn - Cốc Cọt, thôn Bán Hạ, xã Liên Hội                                                         | Xã Liên Hội       |                   | 2024            | 5456/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023                                | 7.574                   |           | 7.574                          | 1.138                           | 1.500                                                           | 1.333,747                        | 88,92%  | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã trong KH NTM của tỉnh |
| 3.3 | Xây dựng phòng hành chính, phòng học tập, phụ trợ Trường Mầm non Trấn Ninh                               | Xã Trấn Ninh      |                   | 2024            | 5244/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023                                | 5.494                   |           | 5.494                          | 3.000                           | 406                                                             | 406,000                          | 100,00% | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã trong KH NTM của tỉnh |
| 3.4 | Xây dựng phòng học tập, phòng bộ môn Trường Tiểu học và THCS xã Liên Hội                                 | Xã Liên Hội       |                   | 2024            | 5247/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023                                | 6.984                   |           | 6.984                          | 3.000                           | 500                                                             |                                  | 0,00%   | Ban QLDA ĐTXD huyện | Xã trong KH NTM của tỉnh |

CHI TIẾT KINH PHÍ PHÂN BỐ CHO CÁC CÔNG TRÌNH NĂM 2021, NĂM 2023 THUỘC ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG NÔNG THÔN TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện văn Quan)

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Danh mục công trình                                                  | Địa điểm  | Năng lực thiết kế (Km) | Quy mô (cấp)  | Tổng mức đầu tư | Cơ cấu nguồn vốn |         |         |          |              |                                  | Giá trị hoàn thành tính đến 31/12/2023 |         |                             | Tổng kinh phí đã phân bổ đến 31/12/2023 |         |                             | Tổng kinh phí còn nợ tính đến 31/12/2023 |         |                             | Kinh phí bổ sung đợt này |         |                             | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 | Tỷ lệ  | Tiến độ    | Tỷ lệ thanh toán nợ đến nay (%) | Ghi chú                    |
|----|----------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------|---------------|-----------------|------------------|---------|---------|----------|--------------|----------------------------------|----------------------------------------|---------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------|-----------------------------|------------------------------------------|---------|-----------------------------|--------------------------|---------|-----------------------------|----------------------------------|--------|------------|---------------------------------|----------------------------|
|    |                                                                      |           |                        |               |                 | Nhà nước hỗ trợ  |         |         |          |              | Huy động khác (không thuộc NSNN) | Tổng số                                | Xi măng | Cát, đá, thi công, chi khác | Tổng số                                 | Xi măng | Cát, đá, thi công, chi khác | Tổng số                                  | Xi măng | Cát, đá, thi công, chi khác | Tổng số                  | Xi Măng | Cát, đá, thi công, chi khác |                                  |        |            |                                 |                            |
|    |                                                                      |           |                        |               |                 | Tổng số          | Xi măng | Cát, đá | Thi công | Chi phí khác |                                  |                                        |         |                             |                                         |         |                             |                                          |         |                             |                          |         |                             |                                  |        |            |                                 |                            |
|    | TỔNG CỘNG                                                            |           |                        |               | 5.602           | 5.171            | 1.744   | 2.397   | 839      | 191          | 431                              | 5.171                                  | 1.744   | 3.427                       | 3.182                                   | 292     | 2.890                       | 1.989                                    | 1.452   | 537                         | 1.481                    | 1.160   | 321                         | 1.480,525                        | 100,0% |            |                                 |                            |
| I  | Công trình Năm 2021                                                  |           |                        |               | 1.044           | 960              | 292     | 430     | 197      | 41           | 84                               | 960                                    | 292     | 668                         | 922                                     | 292     | 630                         | 38                                       |         | 38                          | 30                       |         | 30                          | 30,000                           | 100,0% |            |                                 |                            |
| 1  | Đường Bàn Thi - Khau Thán, xã Trảng Sơn (giai đoạn II)               | Xã An Sơn | 1,1                    | B             | 1.044           | 960              | 292     | 430     | 197      | 41           | 84                               | 960                                    | 292     | 668                         | 922                                     | 292     | 630                         | 38                                       |         | 38                          | 30                       |         | 30                          | 30,000                           | 100,0% | hoàn thành | 99,19%                          | Chủ đầu tư: UBND xã An Sơn |
| II | Công trình Năm 2023                                                  |           |                        |               | 4.558           | 4.211            | 1.452   | 1.967   | 642      | 150          | 347                              | 4.211                                  | 1.452   | 2.759                       | 2.260                                   |         | 2.260                       | 1.951                                    | 1.452   | 499                         | 1.451                    | 1.160   | 291                         | 1.450,525                        | 100,0% |            |                                 |                            |
| 1  | Đường Nà Chuông - Khôn Vá - Khum Măn, xã Tri Lễ, huyện Văn Quan      | xã Tri Lễ | 2                      | MD BTXM cấp B | 2.196           | 2.030            | 692     | 960     | 306      | 72           | 166                              | 2.030                                  | 692     | 1.338                       | 1.030                                   |         | 1.030                       | 1.000                                    | 692     | 308                         | 500                      | 400     | 100                         | 500,000                          | 100,0% | hoàn thành | 75,36%                          | Chủ đầu tư: UBND xã Tri Lễ |
| 2  | Đường Bàn Thi Khau Thán, xã An Sơn, huyện Văn Quan (Đoạn Km0-Km+400) | xã An Sơn | 0,4                    | MD BTXM cấp B | 417             | 385              | 138     | 173     | 61       | 14           | 32                               | 385                                    | 138     | 247                         | 200                                     |         | 200                         | 185                                      | 138     | 47                          | 185                      | 138     | 47                          | 184,873                          | 99,9%  | hoàn thành | 100,03%                         | Chủ đầu tư: UBND xã An Sơn |
| 3  | Đường Nà Mìn - Nà Luông, xã An Sơn, huyện Văn Quan                   | xã An Sơn | 1,8                    | MD BTXM cấp B | 1.945           | 1.796            | 622     | 834     | 275      | 64           | 149                              | 1.796                                  | 622     | 1.174                       | 1.030                                   |         | 1.030                       | 766                                      | 622     | 144                         | 766                      | 622     | 144                         | 765,652                          | 100,0% | hoàn thành | 100,00%                         | Chủ đầu tư: UBND xã An Sơn |

(Bảng chữ: một tỷ bốn trăm tám mươi mốt triệu đồng) ./.

KẾ HOẠCH VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU HẠ TẦNG CƠ SỞ CÁC HUYỆN NGHÈO NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện văn Quan)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án dự kiến bố trí đầu tư                                                                    | Địa điểm       | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định đầu tư hoặc Quyết toán              |                | Lấy kế vốn bố trí đến 31/10/2023 |                                                            | Kế hoạch vốn NSNN năm 2024 | Kết quả giải ngân ngày 30/6/2024 (chưa cập nhập lại) | Tỷ lệ   | Tiến độ thực hiện      | Ghi chú              | Chủ đầu tư             | Ghi chú                                          |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|----------------------------------|------------------------------------------------|----------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------|---------|------------------------|----------------------|------------------------|--------------------------------------------------|
|    |                                                                                                         |                |                   |                                  | Số quyết định                                  | TMBT (hoặc QT) | Tổng cộng                        | Trong đó vốn hỗ trợ mục tiêu hạ tầng cơ sở các huyện nghèo |                            |                                                      |         |                        |                      |                        |                                                  |
|    | TỔNG CỘNG                                                                                               |                |                   |                                  |                                                | 81.384         | 48.605                           | 3.462                                                      | 14.000                     | 5.169,133                                            | 36,92%  |                        |                      |                        |                                                  |
| I  | Đối ứng các Chương trình MTQG                                                                           |                |                   |                                  |                                                | 63.233         | 44.457                           | 640                                                        | 6.144                      | 3.610,446                                            | 58,76%  |                        |                      |                        |                                                  |
| 1  | Hỗ trợ đối ứng Nội dung số 02 (Hỗ trợ nhà ở), thuộc Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTSMN năm 2024     | Huyện Văn Quan |                   | 2024                             |                                                | 6.973          |                                  |                                                            | 698                        | 8,000                                                | 1,15%   |                        | Hỗ trợ xây mới nhà ở | UBND các xã            | Đối ứng công trình thuộc DA1_CTMTOG DTTS&MN      |
| -  | UBND xã Tri Lễ                                                                                          |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 128                        |                                                      | 0,00%   |                        | 32                   | UBND xã Tri Lễ         |                                                  |
| -  | UBND xã Khánh Khê                                                                                       |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 24                         |                                                      | 0,00%   |                        | 6                    | UBND xã Khánh Khê      |                                                  |
| -  | UBND xã Đồng Giáp                                                                                       |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 60                         |                                                      | 0,00%   |                        | 15                   | UBND xã Đồng Giáp      |                                                  |
| -  | UBND xã Trấn Ninh                                                                                       |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 72                         |                                                      | 0,00%   |                        | 18                   | UBND xã Trấn Ninh      |                                                  |
| -  | UBND xã Hòa Bình                                                                                        |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 48                         |                                                      | 0,00%   |                        | 12                   | UBND xã Hòa Bình       |                                                  |
| -  | UBND xã Bình Phúc                                                                                       |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 28                         |                                                      | 0,00%   |                        | 7                    | UBND xã Bình Phúc      |                                                  |
| -  | UBND xã Lương Năng                                                                                      |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 58                         | 8,000                                                | 13,79%  |                        | 14                   | UBND xã Lương Năng     |                                                  |
| -  | UBND xã Tân Đoàn                                                                                        |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 12                         |                                                      | 0,00%   |                        | 3                    | UBND xã Tân Đoàn       |                                                  |
| -  | UBND xã Trảng Phái                                                                                      |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 20                         |                                                      | 0,00%   |                        | 5                    | UBND xã Trảng Phái     |                                                  |
| -  | UBND xã An Sơn                                                                                          |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 60                         |                                                      | 0,00%   |                        | 15                   | UBND xã An Sơn         |                                                  |
| -  | UBND xã Hữu Lễ                                                                                          |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 80                         |                                                      | 0,00%   |                        | 20                   | UBND xã Hữu Lễ         |                                                  |
| -  | UBND xã Tú Xuyên                                                                                        |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 16                         |                                                      | 0,00%   |                        | 4                    | UBND xã Tú Xuyên       |                                                  |
| -  | UBND Xã Yên Phúc                                                                                        |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 32                         |                                                      | 0,00%   |                        | 8                    | UBND Xã Yên Phúc       |                                                  |
| -  | UBND xã Trảng Cáp                                                                                       |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 36                         |                                                      | 0,00%   |                        | 9                    | UBND xã Trảng Cáp      |                                                  |
| -  | UBND Thị trấn Văn Quan                                                                                  |                |                   |                                  |                                                |                |                                  |                                                            | 24                         |                                                      | 0,00%   |                        | 6                    | UBND Thị trấn Văn Quan |                                                  |
| 2  | Cải tạo khu hành chính, xây dựng phòng học và các phòng bộ môn Trường PTDT bán trú Tiểu học 2 xã Tri Lễ | Xã Tri Lễ      | Cải tạo, nâng cấp | 2022-2023                        | 4950, ngày 30/12/2021; ĐC 4196 ngày 16/12/2022 | 8.787          | 6.065                            | 340                                                        | 1.232                      | 1.122,600                                            | 91,12%  | Đang trình thẩm tra QT |                      | Ban QLDA ĐTXD huyện    | Đối ứng công trình thuộc DA5_CTMTOG DTTS&MN      |
| 3  | Cải tạo, nâng cấp phòng học và phòng chức năng Trường mầm non 1 Diêm He, xã Diêm He, huyện Văn Quan     | Xã Diêm He     | Cải tạo, nâng cấp | 2023                             | 2393/QĐ-UBND ngày 21/6/2023                    | 6.305          | 3.800                            | 300                                                        | 255                        | 134,369                                              | 52,69%  | Thi công xong          |                      | Ban QLDA ĐTXD huyện    | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG GNBV  |
| 4  | Đường liên thôn Bàn Lái - Nà Bung, xã Diêm He                                                           | Xã Diêm He     | Cải tạo, nâng cấp | 2022-2023                        | 4073/QĐ-UBND ngày 30/11/2022                   | 5.482          | 3.557                            | 0                                                          | 1.000                      | 1.000,000                                            | 100,00% | Thi công xong          |                      | Ban QLDA ĐTXD huyện    | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM |
| 5  | Xây dựng Trạm bơm Pò Diêm, thôn Nà Lốc, xã Tú Xuyên                                                     | Xã Tú Xuyên    |                   | 2022-2023                        | 3809/QĐ-UBND ngày 11/11/2022                   | 2.890          | 2.136                            | 0                                                          | 300                        | 85,935                                               | 28,65%  | Thi công xong          |                      | Ban QLDA ĐTXD huyện    | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM |
| 6  | Xây Trạm bơm Nà Nam, thôn Thanh Đông, xã Tú Xuyên                                                       | Xã Tú Xuyên    |                   | 2023                             | 4192, ngày 16/12/2021; ĐC 1020, ngày 08/3/2023 | 3.764          | 2.802                            | 0                                                          | 400                        | 303,960                                              | 75,99%  | Thi công xong          |                      | Ban QLDA ĐTXD huyện    | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM |
| 7  | Xây dựng 04 phòng học và các phòng chức năng Trường Tiểu học - THCS Diêm He                             | Xã Diêm He     |                   | 2022-2023                        | 1971, ngày 17/6/2022                           | 4.417          | 3.755                            | 0                                                          | 400                        | 400,000                                              | 100,00% | QT                     |                      | Ban QLDA ĐTXD huyện    | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM |
| 8  | Xây dựng phòng giáo dục thể chất - nghệ thuật, phòng tin học, phòng đa năng Trường Mầm non Yên Phúc     | Xã Yên Phúc    |                   | 2022-2023                        | 1930, ngày 07/6/2022; QT 2829, ngày 17/7/2023  | 2.086          | 1.863                            | 0                                                          | 223                        | 223,000                                              | 100,00% | QT                     |                      | Ban QLDA ĐTXD huyện    | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM |
| 9  | Xây dựng các phòng bộ môn Trường Tiểu học Yên Phúc                                                      | Xã Yên Phúc    |                   | 2022-2023                        | 1970, ngày 17/6/2022; QT 3873, ngày 11/10/2023 | 2.327          | 2.142                            | 0                                                          | 186                        | 136,457                                              | 73,36%  | QT                     |                      | Ban QLDA ĐTXD huyện    | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM |

|     |                                                                                                                                                                 |               |             |             |                         |               |              |              |                |                  |               |                                  |  |                         |                                                    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|-------------|-------------------------|---------------|--------------|--------------|----------------|------------------|---------------|----------------------------------|--|-------------------------|----------------------------------------------------|
| 10  | Xây dựng các phòng bộ môn, phòng họp, phòng nghỉ giáo viên Trường THCS Yên Phúc                                                                                 | Xã Yên Phúc   |             | 2022-2023   | 1969, ngày 17/6/2022    | 5.160         | 4.780        | 0            | 300            |                  | 0,00%         | Đang trình thẩm tra QT           |  | Ban QLDA ĐTXD huyện     | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM   |
| 11  | Xây dựng 12 phòng học khối Tiểu học Trường TH&THCS xã Tân Đoàn                                                                                                  | Xã Tân Đoàn   |             | 2022-2023   | 3181, ngày 21/9/2021    | 8.075         | 7.343        | 0            | 550            | 196,125          | 35,66%        | Đã nghiệm thu bàn giao           |  | Ban QLDA ĐTXD huyện     | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM   |
| 12  | Xây dựng các phòng chức năng và hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Tú Xuyên                                                                                        | Xã Tú Xuyên   |             | 2022-2023   | 3777, ngày 07/11/2022   | 4.541         | 4.089        | 0            | 400            |                  | 0,00%         | Đã kiểm tra điều kiện nghiệm thu |  | Ban QLDA ĐTXD huyện     | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM   |
| 13  | Xây dựng phòng học tập, phòng bộ môn, phòng phụ trợ Trường PTDTBT Tiểu học Nà Lốc Tú Xuyên                                                                      | Xã Tú Xuyên   |             | 2023        | 4162, ngày 15/12/2022   | 2.425         | 2.125        | 0            | 200            |                  | 0,00%         | Thi công xong                    |  | Ban QLDA ĐTXD huyện     | Đối ứng công trình thuộc Chương trình MTQG XDNTM   |
| II  | <b>Hỗ trợ Đề án phát triển GTNT giai đoạn 2021 - 2025; Danh mục thực hiện theo cơ chế đặc thù các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025</b>                     | <b>HVQ</b>    |             | <b>2024</b> |                         | <b>13.151</b> | <b>4.148</b> | <b>2.822</b> | <b>7.000</b>   | <b>1.558,687</b> | <b>22,27%</b> |                                  |  |                         |                                                    |
| a)  | <b>Thanh toán khối lượng Đề án 162 đối với dự án hoàn thành đến 31/12/2023</b>                                                                                  |               |             |             |                         | <b>5.213</b>  | <b>4.148</b> | <b>2.822</b> | <b>1.065,0</b> | <b>1.007,119</b> | <b>94,57%</b> |                                  |  |                         |                                                    |
| 7.1 | Đường GTNT thôn Pác Làng, xã Diêm He. Nhánh Pác Luồng                                                                                                           | Xã Diêm He    |             | 2022        | QT 296, ngày 23/11/2022 | 897           | 618          | 400          | 279,0          | 273,691          | 98,10%        |                                  |  | UBND xã Diêm He         |                                                    |
| 7.2 | Đường Cốc Cam, thôn Quang Bí, xã An Sơn                                                                                                                         | Xã An Sơn     |             | 2022        | QT 204, ngày 30/12/2022 | 786           | 677          | 473          | 109,0          | 108,900          | 99,91%        |                                  |  | UBND xã An Sơn          |                                                    |
| 7.3 | Đường trục thôn Khôn Cài, xã Tân Đoàn                                                                                                                           | Xã Tân Đoàn   |             | 2022        | QT 13, ngày 16/01/2023  | 244           | 210          | 153          | 34,0           | 34,000           | 100,00%       |                                  |  | UBND xã Tân Đoàn        |                                                    |
| 7.4 | Đường GTNT thôn Khôn Sây, xã Tân Đoàn                                                                                                                           | Xã Tân Đoàn   |             | 2022        | QT 12, ngày 16/01/2023  | 717           | 707          | 520          | 10,0           | 10,000           | 100,00%       |                                  |  | UBND xã Tân Đoàn        |                                                    |
| 7.5 | Đường GTNT thôn Đoàn Kết, xã Trảng Phái, huyện Văn Quan (Nhánh Lũng Hủ)                                                                                         | Xã Trảng Phái |             | 2022        | QT 800, ngày 28/12/2022 | 638           | 568          | 400          | 70,0           | 69,970           | 99,96%        |                                  |  | UBND xã Trảng Phái      |                                                    |
| 7.6 | Đường GTNT thôn Nam, xã Yên Phúc, huyện Văn Quan                                                                                                                | Xã Yên Phúc   |             | 2022        | QT 104, ngày 10/02/2023 | 696           | 547          | 360          | 149,0          | 140,650          | 94,40%        |                                  |  | UBND xã Yên Phúc        |                                                    |
| 7.7 | Đường Nà Dừng, xã Trấn Ninh                                                                                                                                     | Xã Trấn Ninh  |             | 2022        | QT 223, ngày 27/12/2022 | 384           | 349          | 255          | 35,0           |                  | 0,00%         |                                  |  | UBND xã Trấn Ninh       |                                                    |
| 7.8 | Đường Moòng thôn Tây B, xã Yên Phúc                                                                                                                             | Xã Yên Phúc   |             | 2023        | QĐ 312, ngày 14/4/2023  | 851           | 472          | 261          | 379,0          | 369,909          | 97,60%        |                                  |  | UBND xã Yên Phúc        | Hoàn thành                                         |
| b)  | <b>Hỗ trợ dự án triển khai mới năm 2024: Danh mục dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025</b>                           |               |             |             |                         | <b>7.938</b>  | <b>0</b>     | <b>0</b>     | <b>5.935</b>   | <b>551,568</b>   | <b>9,29%</b>  |                                  |  |                         |                                                    |
| *   | <b>Ngân sách huyện hỗ trợ đầu tư xã đặc biệt khó khăn thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN năm 2024 theo cơ chế đặc thù, Đề án 162</b> |               |             |             |                         | <b>1.196</b>  | <b>0</b>     | <b>0</b>     | <b>818</b>     | <b>150,000</b>   | <b>18,34%</b> |                                  |  |                         | <b>Đối ứng CT MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS &amp; MN</b> |
| 7.1 | Đường Pò diêm, thôn Quang Bí, xã An Sơn                                                                                                                         | Xã An Sơn     | Đường cấp C | 2024        |                         | 210           |              |              | 150            |                  | 0,00%         |                                  |  | BQL CTMTQG xã An Sơn    | ND đóng góp 60 triệu đồng                          |
| 7.2 | Đường Pá Luồng- Nhà Tám, thôn Quang Bí, xã An Sơn                                                                                                               | Xã An Sơn     | Đường cấp C | 2024        |                         | 210           |              |              | 150            |                  | 0,00%         |                                  |  | BQL CTMTQG xã An Sơn    | ND đóng góp 60 triệu đồng                          |
| 7.3 | Đường GTNT thôn Phai Xá, thôn Bàn Nóc, xã An Sơn                                                                                                                | Xã An Sơn     | Đường cấp C | 2024        |                         | 210           |              |              | 150            |                  | 0,00%         |                                  |  | BQL CTMTQG xã An Sơn    | ND đóng góp 60 triệu đồng                          |
| 7.4 | Đường Lộc Mạ, thôn Bàn Nóc, xã An Sơn                                                                                                                           | Xã An Sơn     | Đường cấp C | 2024        |                         | 210           |              |              | 150            | 150,000          | 100,00%       |                                  |  | BQL CTMTQG xã An Sơn    | ND đóng góp 60 triệu đồng                          |
| 7.5 | Đường Tỷ Lườn, thôn Thanh Sơn, xã Khánh Khê                                                                                                                     | Xã Khánh Khê  | Đường cấp B | 2024        |                         | 356           |              |              | 218            |                  | 0,00%         |                                  |  | BQL CTMTQG xã Khánh Khê | ND đóng góp 138 triệu đồng                         |

|     |                                                                                                                                            |              |             |      |                                                 |       |   |   |       |         |        |  |  |                         |                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|------|-------------------------------------------------|-------|---|---|-------|---------|--------|--|--|-------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| *   | Ngân sách huyện hỗ trợ đầu tư xã đặc biệt khó khăn thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2024 theo cơ chế đặc thù, Đề án 162 |              |             |      |                                                 | 2.748 | 0 | 0 | 1.969 | 143,259 | 7,28%  |  |  |                         | Đổi ứng CT MTQG GNBV                                                |
| 7.1 | Đường Phja Thinh - Hăm Căng, xã Tân Đoàn                                                                                                   | Xã Tân Đoàn  | Đường cấp C | 2024 |                                                 | 147   |   |   | 107   |         | 0,00%  |  |  | BQL CTMTQG xã Tân Đoàn  | ND đóng góp 40 triệu đồng                                           |
| 7.2 | Đường Khun Xã, thôn Bàn Thượng, xã Liên Hội                                                                                                | Xã Liên Hội  | Đường cấp B | 2024 | QĐ 339/UBND ngày 23/5/2024 của UBND xã Liên Hội | 347   |   |   | 220   |         | 0,00%  |  |  | BQL CTMTQG xã Liên Hội  | ND đóng góp 141 triệu đồng                                          |
| 7.3 | Đường Phiêng Phúc, thôn Khòn Duông - Phiêng Phúc, xã Liên Hội                                                                              | Xã Liên Hội  | Đường cấp C | 2024 |                                                 | 310   |   |   | 220   |         | 0,00%  |  |  | BQL CTMTQG xã Liên Hội  | ND đóng góp 90 triệu đồng                                           |
| 7.4 | Đường Phai Cây - Văng Mười, thôn Nà Me, xã Liên Hội                                                                                        | Xã Liên Hội  | Đường cấp C | 2024 |                                                 | 520   |   |   | 385   |         | 0,00%  |  |  | BQL CTMTQG xã Liên Hội  | ND đóng góp 135triệu đồng                                           |
| 7.5 | Đường Nà Thăm, thôn Bàn Lái, xã Diễm He                                                                                                    | Xã Diễm He   | Đường cấp C | 2024 |                                                 | 195   |   |   | 145   | 143,259 | 98,80% |  |  | BQL CTMTQG xã Diễm He   | ND đóng góp 50 triệu đồng                                           |
| 7.6 | Đường Khun Trà, thôn Thống Nhất, xã Diễm He                                                                                                | Xã Diễm He   | Đường cấp B | 2024 |                                                 | 650   |   |   | 450   |         | 0,00%  |  |  | BQL CTMTQG xã Diễm He   | ND đóng góp 200 triệu đồng                                          |
| 7.7 | Đường Khun Khinh - Khun Nhù, xã Tú Xuyên, huyện Văn Quan                                                                                   | Xã Tú Xuyên  | Đường cấp C | 2024 |                                                 | 579   |   |   | 442   |         | 0,00%  |  |  | BQL CTMTQG xã Tú Xuyên  | ND đóng góp 155 triệu đồng                                          |
| *   | Ngân sách huyện hỗ trợ đầu tư xã nông thôn mới thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024 theo cơ chế đặc thù, Đề án 162  |              |             |      |                                                 | 3.994 | 0 | 0 | 3.148 | 258,309 | 8,21%  |  |  |                         | Đổi ứng CT MTQG XDNTM                                               |
| 7.1 | Đường Khau Khoang, thôn Phiêng Lầy, xã Trấn Ninh                                                                                           | Xã Trấn Ninh | Đường cấp B | 2024 |                                                 | 1.083 |   |   | 863   |         | 0,00%  |  |  | BQL CTMTQG xã Trấn Ninh | Nguồn vốn khác xã hội hóa. Thực hiện theo cơ chế đặc thù các CTMTQG |
| 7.2 | Đường Cốc Sâu, thôn Bàn Hèo, xã Trấn Ninh                                                                                                  | Xã Trấn Ninh | Đường cấp B | 2024 |                                                 | 1.780 |   |   | 1.480 |         | 0,00%  |  |  | BQL CTMTQG xã Trấn Ninh | Nguồn vốn khác xã hội hóa. Thực hiện theo cơ chế đặc thù các CTMTQG |
| 7.3 | Đường Khun Tùng, thôn Khau Ngò, xã Trấn Ninh                                                                                               | Xã Trấn Ninh | Đường cấp C | 2024 |                                                 | 416   |   |   | 300   | 258,309 | 86,10% |  |  | BQL CTMTQG xã Trấn Ninh | ND đóng góp 117 triệu đồng.                                         |
| 7.4 | Đường Nà Luộc, thôn Khau Ngò, xã Trấn Ninh                                                                                                 | Xã Trấn Ninh | Đường cấp C | 2024 |                                                 | 360   |   |   | 260   |         | 0,00%  |  |  | BQL CTMTQG xã Trấn Ninh | ND đóng góp 100 triệu đồng                                          |
| 7.5 | Đường Nà Khuyến, thôn Bàn Hèo, xã Phiêng Lầy, xã Trấn Ninh                                                                                 | Xã Trấn Ninh | Đường cấp B | 2024 |                                                 | 355   |   |   | 245   |         | 0,00%  |  |  | BQL CTMTQG xã Trấn Ninh | ND đóng góp 110 triệu đồng                                          |
| III | Dự án triển khai mới năm 2024                                                                                                              |              |             |      |                                                 | 5.000 | 0 | 0 | 856   | -       | 0,00%  |  |  |                         |                                                                     |
| 1   | Xây dựng Kiốt chợ trung tâm thị trấn Văn Quan                                                                                              | TTVQ         | 02 dây kiot | 2024 |                                                 | 5.000 |   |   | 856   |         | 0,00%  |  |  | Ban QLDA ĐTXD huyện     | Lồng ghép nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách huyện             |

(Mười bốn tỷ đồng)

**UBND HUYỆN VĂN QUAN**

| STT        | Nội dung                                                                       |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------|
|            | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                               |
| <b>III</b> | <b>Sự nghiệp Thủy lợi</b>                                                      |
| 1          | Sửa chữa, nâng cấp đập Còn Tạng, xã Tràng Phái                                 |
| 2          | Sửa chữa, nâng cấp mương Ba Xã, xã Tân Đoàn                                    |
| 3          | Sửa chữa, nâng cấp mương Tạng Chang - Khuổi Cáp, xã Yên Phúc                   |
| 4          | Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm điện Khòn Chu, xã Diềm He                          |
| 5          | Hỗ trợ vật liệu RQĐX                                                           |
| 6          | BS danh mục theo QĐ số 660/QĐ-UBND ngày 04/03/2024                             |
| -          | <i>Sửa chữa, nâng cấp mương Lùng Pá - Khòn Pá - (Giai đoạn 2), xã Tân Đoàn</i> |
| <b>IV</b>  | <b>Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi</b>             |
| 1          | Hỗ trợ kinh phí sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi                             |
| <b>V</b>   | <b>Kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa</b>                                           |
| 1          | Sửa chữa, nâng cấp mương Nà Làng, xã Trấn Ninh                                 |
| 2          | Nâng cấp Trạm bơm điện Nà Hấy, xã Bình Phúc                                    |
| 3          | Điều chỉnh tăng danh mục, kế hoạch vốn (QĐ 660/QĐ-UBND ngày 04/03/2024)        |
| -          | <i>Sửa chữa, nâng cấp mương Nà Nhừ - (Giai đoạn 1), xã An Sơn</i>              |
| -          | Nâng cấp trạm bơm điện Tạng Máy - (Giai đoạn 1), TT. Văn Quan                  |
| <b>VI</b>  | <b>Sự nghiệp Giao thông</b>                                                    |
| <b>1</b>   | <b>Sửa chữa TX đường huyện (Tổng cộng 150,6km)</b>                             |
| 1.1        | ĐH.50 (Đường Diềm He - Nà Lược), huyện Văn Quan (Dài 14,3km)                   |
| 1.2        | ĐH.51 (Đường Bó Kheo - Bản Nhang), huyện Văn Quan (Dài 9,3km)                  |
| 1.3        | ĐH.52 (Đường Bản Làn-Tràng Các), huyện Văn Quan (Dài 12,5km)                   |

|            |                                                                                                 |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.4        | ĐH. 53 (Đường Lũng Pa-Pác Kéo-thị trấn), huyện Văn Quan (Dài 17,7km)                            |
| 1.5        | ĐH.54 (Đường Khòn Khẻ - Tân Đoàn), huyện Văn Quan (Dài 15,0km)                                  |
| 1.6        | ĐH.55 (Đường Lương Năng - Tri Lễ - Hữu Lễ), huyện Văn Quan (Dài 27,5km)                         |
| 1.7        | ĐH.56 (Đường Hòa Bình - Liên Hội), huyện Văn Quan (Dài 8,5km)                                   |
| 1.8        | ĐH.57 Đường Tú Xuyên - Hòa Bình - Hồng Thái (huyện Bình Gia) (Dài 12,0km)                       |
| 1.9        | ĐH.58 (Đường Ba Xã - Chợ Bãi), huyện Văn Quan (Dài 9,6km)                                       |
| 1.10       | ĐH.59(Đường Bản Giềng - Đèo Cước), huyện Văn Quan (Dài 12,2km)                                  |
| 1.11       | ĐH.59A (Đường Khánh Khê - Đồng giáp), huyện Văn Quan (Dài 12km)                                 |
| <b>2</b>   | <b>Sửa chữa TX đường nội thị (Tổng cộng 7,0km)</b>                                              |
| 2.1        | Nhánh I (Dài 1,35km)                                                                            |
| 2.2        | Nhánh II (Dài 0,4km)                                                                            |
| 2.3        | Nhánh III (Dài 0,3km)                                                                           |
| 2.4        | Nhánh IV (Dài 0,4km)                                                                            |
| 2.5        | Đường vào Chợ Đức Tâm (Dài 0,1km)                                                               |
| 2.6        | Đường vào UBND huyện (Dài 0,1km)                                                                |
| 2.7        | Đường Lũng Cà (Dài 2,0km)                                                                       |
| 2.8        | Đường vào khu xử lý rác (Dài 1,5km)                                                             |
| 2.9        | Đường Bản Coóng - Cầu Đức Hình (Dài 0,85km)                                                     |
| <b>3</b>   | <b>Sửa chữa cầu</b>                                                                             |
| <b>*</b>   | <b>Cầu treo</b>                                                                                 |
| 3.1        | Cầu Nà Áng, thị trấn Văn Quan                                                                   |
| 3.2        | Cầu Nà Súng, xã Diềm He                                                                         |
| <b>*</b>   | <b>Cầu dàn thép</b>                                                                             |
| 3.1        | Cầu Kéo Háy, xã Tú Xuyên (21m)                                                                  |
| 3.1        | Cầu Đức Thịnh, thị trấn Văn Quan                                                                |
| 3.2        | Cầu Tân Sơn, thị trấn Văn Quan                                                                  |
| <b>*</b>   | <b>Cầu BTCT</b>                                                                                 |
| 3.1        | Cầu Bản Mù, xã Tú Xuyên (16m)                                                                   |
| 3.1        | Cầu Pa Ta, xã Hữu Lễ                                                                            |
| 3.2        | Cầu Háng Cáu - Khuổi Loòng, xã Tú Xuyên                                                         |
| 3.3        | Cầu Nà Sáng, thị trấn Văn Quan                                                                  |
| 3.4        | Cầu Bản Châu, xã Lương Năng                                                                     |
| 3.5        | Cầu Văn An - Nhạc Kỳ, xã Diềm He                                                                |
| <b>VII</b> | <b>Sự nghiệp Kiến thiết thị chính</b>                                                           |
| <b>1</b>   | <b>Thanh toán khối lượng</b>                                                                    |
| 1.1        | Sửa chữa, nâng cấp đèn đường thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan (giai đoạn IV)                   |
| 1.2        | Cải tạo, sửa chữa vỉa hè đoạn từ đầu cầu Đức Hình đến phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| <b>2</b>   | <b>Thực hiện năm 2024</b>                                                                       |

|             |                                                                                                                                                         |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.1         | Trồng và quản lý, chăm sóc cây xanh đô thị                                                                                                              |
| 2.2         | Cắt tỉa trồng mới và thay thế cây cảnh thị trấn Văn Quan                                                                                                |
| 2.3         | Chi phí thấp sáng đèn đường                                                                                                                             |
| 2.4         | Sửa chữa thường xuyên hệ thống chiếu sáng Thị trấn Văn Quan                                                                                             |
| 2.5         | Sửa chữa công trào, đèn, hoa, biển trang trí đường phố thị trấn Văn Quan                                                                                |
| 2.6         | Sửa chữa hệ thống thoát nước đường nội thị (Nhánh II đường Trần Phú), hồ ga thoát nước tại Km28+680 Đường Ngô Gia Tự, thị trấn Văn Quan, Huyện Văn Quan |
| 2.7         | Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường nội thị, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan                                                                               |
| 2.8         | Sửa chữa hệ thống thoát nước đường nội thị, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan                                                                           |
| <b>VIII</b> | <b>Sự nghiệp Kinh tế khác</b>                                                                                                                           |
| <b>1</b>    | <b><i>Thanh toán khối lượng</i></b>                                                                                                                     |
| 1.1         | Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường ĐH 58 (Đường Ba Xã - Chợ Bãi)                                                                                    |
| 1.2         | ĐH.51 đường Bó Kheo – Bản Nhang, xã Liên Hội, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn Hạng mục: Bảo dưỡng mặt đường, sửa chữa lề đường và rãnh thoát nước         |
| 1.3         | ĐH.59 đường Bản Giềng – Đèo Cú Sóm, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn Hạng mục: Bảo dưỡng mặt đường, sửa chữa lề và rãnh thoát nước                         |
| 1.4         | Quy hoạch chi tiết thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan                                                                                                    |
| <b>2</b>    | <b><i>Thực hiện năm 2024</i></b>                                                                                                                        |
| 2.1         | Hỗ trợ ống cống tròn các loại                                                                                                                           |
| 2.2         | Hỗ trợ sắt thép làm mặt cầu, cống bản trên đường GTNT                                                                                                   |
| 2.3         | Cải tạo, nâng cấp mặt đường Đường Bản Hẻo - Phiêng Lầy, xã Trấn Ninh, huyện Văn Quan (Đoạn Km0-Km1+400)                                                 |
| 2.4         | Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước ĐH,58 (đường Ba Xã - Chợ Bãi), huyện Văn Quan. Đoạn Km0-Km1+100                                  |
| 2.5         | Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Văn Quan                                                                          |

**BIỂU 06\_CHI TIẾT GIAO DANH MỤC VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện Văn Quan)

| Quyết định phê duyệt                         | Tổng mức đầu tư dự kiến | Lũy kế vốn bố trí đến 15/11/2023 | Kế hoạch vốn giao năm 2024 | Kết quả giải ngân ngày 10/9/2024 |
|----------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------|----------------------------|----------------------------------|
|                                              | <b>33.153</b>           | <b>10.389</b>                    | <b>19.714</b>              | <b>6.733,703</b>                 |
|                                              | <b>2.872</b>            | <b>739</b>                       | <b>2.020</b>               | <b>374,453</b>                   |
| 3646/QĐ-UBND ngày 18/9/2023                  | 973                     | 739                              | 190                        | 190,000                          |
| ĐC QĐ số 660/QĐ-UBND ngày 04/3/2024          | 380                     |                                  | 450                        | 35,282                           |
| ĐC QĐ số 660/QĐ-UBND ngày 04/3/2024          | 349                     |                                  | 350                        | 33,699                           |
| ĐC QĐ số 660/QĐ-UBND ngày 04/3/2024          | 370                     |                                  | 300                        | 18,251                           |
|                                              | 250                     |                                  | 250                        | 97,221                           |
|                                              | 550                     |                                  | 480                        |                                  |
|                                              | 550                     |                                  | 480                        | 49,637                           |
|                                              | <b>1.623</b>            | <b>-</b>                         | <b>1.803</b>               | <b>1.081,800</b>                 |
|                                              | 1.623                   |                                  | 1.803                      | 1.081,800                        |
|                                              | <b>-</b>                | <b>-</b>                         | <b>676</b>                 | <b>-</b>                         |
|                                              |                         |                                  |                            |                                  |
|                                              |                         |                                  |                            |                                  |
|                                              |                         |                                  | 676                        |                                  |
|                                              |                         |                                  | 300                        |                                  |
| QĐ pd BC KTKT số 2273/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 | 413                     |                                  | 376                        | 33,708                           |
|                                              | <b>4.865</b>            | <b>-</b>                         | <b>4.865</b>               | <b>1.767,000</b>                 |
|                                              | <b>4.217</b>            | <b>-</b>                         | <b>4.217</b>               | <b>-</b>                         |
|                                              | 400                     |                                  | 400                        |                                  |
|                                              | 260                     |                                  | 260                        |                                  |
|                                              | 350                     |                                  | 350                        |                                  |

|                          |              |              |              |                |
|--------------------------|--------------|--------------|--------------|----------------|
|                          | 496          |              | 496          |                |
|                          | 420          |              | 420          |                |
|                          | 770          |              | 770          |                |
|                          | 238          |              | 238          |                |
|                          | 336          |              | 336          |                |
|                          | 269          |              | 269          |                |
|                          | 342          |              | 342          |                |
|                          | 336          |              | 336          |                |
|                          | <b>196</b>   |              | <b>196</b>   | -              |
|                          | 38           |              | 38           |                |
|                          | 11           |              | 11           |                |
|                          | 8            |              | 8            |                |
|                          | 11           |              | 11           |                |
|                          | 3            |              | 3            |                |
|                          | 3            |              | 3            |                |
|                          | 56           |              | 56           |                |
|                          | 42           |              | 42           |                |
|                          | 24           |              | 24           |                |
|                          | <b>452</b>   | -            | <b>452</b>   | -              |
|                          |              |              |              |                |
|                          | 50           |              | 50           |                |
|                          | 50           |              | 50           |                |
|                          |              |              | -            |                |
|                          |              |              | -            |                |
|                          | 37           |              | 37           |                |
|                          | 62           |              | 62           |                |
|                          |              |              | -            |                |
|                          |              |              | -            |                |
|                          | 20           |              | 20           |                |
|                          | 42           |              | 42           |                |
|                          | 72           |              | 72           |                |
|                          | 20           |              | 20           |                |
|                          | 99           |              | 99           |                |
|                          | <b>9.072</b> | <b>2.469</b> | <b>4.500</b> | <b>730,911</b> |
|                          | <b>4.775</b> | <b>2.469</b> | <b>1.700</b> | -              |
| QĐ 2890, ngày 18/7/2023  | 2.171        | 1.969        | 200          |                |
| QĐ 4112, ngày 25/10/2023 | 2.604        | 500          | 1.500        |                |
|                          | <b>4.297</b> | -            | <b>2.800</b> | <b>730,911</b> |

|                                                                                             |               |              |              |                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|--------------|------------------|
|                                                                                             | 200           |              | 200          |                  |
|                                                                                             | 400           |              | 400          |                  |
|                                                                                             | 300           |              | 300          | 230,911          |
|                                                                                             | 200           |              | 200          |                  |
|                                                                                             | 400           |              | 400          |                  |
| ĐC QĐ số 1415/QĐ-UBND<br>ngày 09/5/2024                                                     |               |              |              |                  |
| QĐ 1335/QĐ-UBND ngày<br>29/4/2024                                                           | 2.166         |              | 800          | 500,000          |
| ĐC QĐ số 1415/QĐ-UBND<br>ngày 09/5/2024; QĐ pd BC<br>KTKT số 2310/QĐ-UBND<br>ngày 14/8/2024 | 631           |              | 500          |                  |
|                                                                                             | <b>14.720</b> | <b>7.181</b> | <b>5.850</b> | <b>2.779,539</b> |
|                                                                                             | <b>10.520</b> | <b>7.181</b> | <b>2.716</b> | <b>1.829,539</b> |
| QĐ 1254, ngày 22/4/2022; ĐC<br>số 1598, ngày 27/10/2022; QT<br>1061, ngày 17/3/2023         | 4.883         | 4.621        | 262          |                  |
| QĐ 2286, ngày 31/5/2023                                                                     | 1.884         | 1.030        | 854          | 629,539          |
| QĐ 2326, ngày 12/6/2023; ĐC<br>QĐ số 1415/QĐ-UBND ngày<br>09/5/2024                         | 2.154         | 1.030        | 1.100        | 700,000          |
|                                                                                             | 1.600         | 500          | 500          | 500,000          |
|                                                                                             | <b>4.200</b>  | <b>-</b>     | <b>3.134</b> | <b>950,000</b>   |
|                                                                                             | 300           |              | 300          |                  |
|                                                                                             | 200           |              | 200          |                  |
| ĐC QĐ số 1415/QĐ-UBND<br>ngày 09/5/2024                                                     |               |              |              |                  |
| ĐC QĐ số 1415/QĐ-UBND<br>ngày 09/5/2024                                                     | 2.200         |              | 1.134        |                  |
|                                                                                             | 1.500         |              | 1.500        | 950,000          |

## Biểu số 06

ĐVT: Triệu đồng

| Tỷ lệ         | Chủ đầu tư               | Ghi chú                                                |
|---------------|--------------------------|--------------------------------------------------------|
| <b>34,16%</b> |                          |                                                        |
| <b>18,54%</b> | <b>Phòng NN&amp;PTNT</b> |                                                        |
| 100,00%       |                          |                                                        |
| 7,84%         |                          | <i>phê duyệt BCKTKT QĐ 1596/QĐ-UBND ngày 23/5/2024</i> |
| 9,63%         |                          | <i>phê duyệt BCKTKT QĐ 1653/QĐ-UBND ngày 27/5/2024</i> |
| 6,08%         |                          |                                                        |
| 38,89%        |                          |                                                        |
|               |                          |                                                        |
| 10,34%        |                          | <i>phê duyệt BCKTKT QĐ 1637/QĐ-UBND ngày 24/5/2024</i> |
|               | <b>Phòng NN&amp;PTNT</b> |                                                        |
| 60,00%        |                          |                                                        |
|               | <b>Phòng NN&amp;PTNT</b> |                                                        |
|               |                          | Giảm danh mục QĐ 660/QĐ-UBND ngày 04/3/2024            |
|               |                          | Giảm danh mục QĐ 660/QĐ-UBND ngày 04/3/2024            |
|               |                          |                                                        |
|               |                          |                                                        |
| 8,96%         |                          |                                                        |
|               | <b>Phòng KT&amp;HT</b>   |                                                        |
|               | <b>Phòng KT&amp;HT</b>   |                                                        |
|               |                          |                                                        |
|               |                          |                                                        |
|               |                          |                                                        |

|               |                        |                               |
|---------------|------------------------|-------------------------------|
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               | <i>Phòng KT&amp;HT</i> |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               | <i>Phòng KT&amp;HT</i> |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        | đã tính KL trong duy tu đường |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        | đã tính KL trong duy tu đường |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
|               |                        |                               |
| <b>16,24%</b> | <b>Phòng KT&amp;HT</b> |                               |
|               |                        |                               |
|               | Phòng KT&HT            |                               |
|               | Phòng KT&HT            |                               |
| <b>26,10%</b> |                        |                               |

|         |             |                                             |
|---------|-------------|---------------------------------------------|
|         | Phòng KT&HT |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
| 76,97%  | Phòng KT&HT |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
| 47,51%  |             |                                             |
| 67,37%  |             |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
| 73,72%  | Phòng KT&HT |                                             |
| 63,64%  | Phòng KT&HT | Dự kiến vốn bảo trì 2024 giao 1.000 trđ     |
| 100,00% | Phòng KT&HT |                                             |
| 30,31%  |             |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
|         | Phòng KT&HT |                                             |
|         |             |                                             |
| 63,33%  | Phòng KT&HT | Trong đó: Thanh toán nợ năm 2023:<br>950trđ |

